BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4339/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
Ngành Luật Kinh tế - Mã ngành: 8380107

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing; Nghị quyết số 204/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Điều 12 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1911/QĐ-ĐHTCM ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến các chương trình đào tạo các trình độ đào tạo tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông báo số 4627/TB-ĐHTCM ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing kết luận tại phiên họp Hội đồng Khoa học và đào tạo ngày 23 tháng 12 năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật kinh tế, gồm chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và chương trình đào tạo định hướng ứng dụng – Mã ngành: 8380107.

Điều 2. Các chương trình đào tạo quy định tại Điều 1 được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2026 trở đi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Pháp luật và Ngoại ngữ, Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học và Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- PHT phụ trách đào tạo;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT (02b).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Phạm Tiến Đạt

BỘ TÀI CHÍNH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH: LUẬT KINH TẾ

Định hướng nghiên cứu

Thành phố Hồ Chí Minh, 2025

MỤC LỤC

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO....1
1. CĂN CỨ XÂY DỰNG....1
2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO....2
3. THÔNG TIN CHUNG....2
4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO....4
5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)....4
6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 61 tín chỉ....5
7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP....5
8. TUYỂN SINH:....7
9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:....9
10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:....9
11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VỚI CĐR CỦA CTĐT....10
12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC....12
13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ....14
14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO....15
B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:....17
C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO....25
1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy....25
2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác....27
3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT....30
4. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng....34
D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo)....35
E. PHỤ LỤC....35
Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường....35
Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CĐR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường....35
Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế với chương trình đào tạo của các trường khác....36

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4339/QĐ-ĐHTCM ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình độ, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; được sửa đổi bổ sung một số điều theo Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Quyết định số 124/QĐ-ĐHTCM-ĐTSĐH ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.

Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ kết quả khảo sát các bên liên quan về năng lực người học sau tốt nghiệp và nội dung chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế trình độ thạc sĩ.

2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành Luật kinh tế theo hệ thống tín chỉ hiện tại được xây dựng theo hướng tiếp cận mới với mục tiêu đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan gồm người sử dụng lao động, giảng viên, cựu người học và người học cùng với sự thay đổi trong chuẩn năng lực theo quy định của Nhà nước về đào tạo thạc sĩ ngành Luật kinh tế, và phù hợp với mục tiêu chiến lược, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Chương trình được thiết kế thời gian trung bình 2 năm và 61 tín chỉ, trong đó thực hiện 12 tín chỉ luận văn tốt nghiệp.

Đơn vị quản lý chương trình đào tạo tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc xây dựng chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình được thông qua.

3. THÔNG TIN CHUNG

3.1. Tên chương trình đào tạo: Luật Kinh tế

3.2. Trình độ: Thạc sĩ

3.3. Định hướng đào tạo: Nghiên cứu

3.4. Văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ

3.5. Mã ngành đào tạo: 8380107

3.6. Thời gian đào tạo: 2 năm

3.7. Loại hình đào tạo: Chính quy

3.8. Số tín chỉ yêu cầu: 61

3.9. Khoa quản lý: Khoa Pháp luật và ngoại ngữ

3.10. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

3.11. Chứng nhận chất lượng:

3.12. Website:

3.13. Các chương trình tham khảo, đối sánh:

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật kinh tế, định hướng nghiên cứu – Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. HCM, Việt Nam.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật kinh tế - Trường Đại học Mở TP. HCM.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ kép ngành Luật thương mại (Dual LL.M in Commercial Law) của Trường Đại học Luật Yong Pung How (Yong Pung How Shool of Law) thuộc Đại học Quản lý Singapore (Singapore Mamangement University) và Trường Đại học Queen Mary (Queen Mary University) thuộc Đại học London (University of London).

3.14. Năm xây dựng chương trình: 2025

3.15. Vị trí việc làm:

Học viên sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ có thể đảm nhận công việc và làm việc:

❖ **Nhóm lĩnh vực nghề nghiệp 1 - Hành nghề pháp lý**: Làm việc ở các vị trí như:

➢ Luật sư doanh nghiệp (Corporate Lawyer): Tư vấn về hợp đồng, đầu tư, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A), cổ phần, quản trị công ty, tuân thủ pháp luật (compliance).

➢ Luật sư nội bộ (In-house Counsel): Làm việc cho một công ty, phụ trách pháp lý nội bộ, kiểm soát rủi ro, soạn thảo và rà soát hợp đồng, quản trị cổ đông.

➢ Chuyên viên pháp chế (Legal Executive/Legal Officer): Làm việc tại bộ phận pháp chế của doanh nghiệp, tập trung vào tư vấn tuân thủ và giải quyết tranh chấp.

➢ Trọng tài viên, hòa giải viên thương mại: giải quyết tranh chấp ngoài tòa án tại trung tâm trọng tài.

❖ **Nhóm lĩnh vực nghề nghiệp 2 - Quản lý và điều hành doanh nghiệp**: làm việc ở các vị trí như:

➢ Chuyên gia tuân thủ pháp lý (Compliance Officer): Thiết lập, giám sát và cập nhật hệ thống tuân thủ trong doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán.

➢ Quản lý pháp lý (Legal Manager): Quản lý bộ phận pháp chế, chịu trách nhiệm tư vấn cho ban lãnh đạo về các vấn đề chiến lược pháp lý.

➢ Giám đốc pháp chế (Chief Legal Officer): Vai trò lãnh đạo cấp cao trong doanh nghiệp hoặc tập đoàn, kiểm soát rủi ro pháp lý chiến lược.

❖ **Nhóm lĩnh vực nghề nghiệp 3 - Khu vực Nhà nước** làm việc ở các vị trí như:

➢ Chuyên viên pháp lý tại Bộ, Sở, Ủy ban nhân dân, hoặc cơ quan thanh tra: Soạn thảo, thẩm định và kiểm tra văn bản pháp luật kinh tế, doanh nghiệp.

➢ Thẩm phán, kiểm sát viên, chuyên viên tòa án hoặc viện kiểm sát: Chuyên sâu về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại.

➢ Cán bộ nghiên cứu, giảng viên Luật Kinh tế; tham gia giảng dạy, nghiên cứu chuyên sâu về Luật Doanh nghiệp, hợp đồng, đầu tư, thương mại…

❖ **Nhóm lĩnh vực nghề nghiệp 4 - Lĩnh vực tư vấn & dịch vụ chuyên nghiệp** làm việc ở các vị trí như:

➢ Chuyên viên tư vấn đầu tư (Investment Consultant); tư vấn cấu trúc pháp lý cho dự án đầu tư, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, hoặc thành lập công ty.

➢ Chuyên viên tư vấn tuân thủ (Regulatory Consultant): Hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ quy định về chứng khoán, tài chính, thuế, cạnh tranh

➢ Chuyên viên phân tích rủi ro pháp lý (Legal Risk Analyst): Phân tích hợp đồng, quản lý rủi ro pháp lý, đề xuất biện pháp phòng ngừa tranh chấp.

4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

4.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật kinh tế định hướng nghiên cứu của Trường Đại học Tài chính – Marketing nhằm đào tạo người học có kiến thức chuyên sâu, năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy pháp lý sáng tạo, có khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề pháp lý nảy sinh trong hoạt động kinh tế – thương mại hoặc đảm nhiệm các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn chính sách pháp luật trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; đồng thời có đủ năng lực học tập, nghiên cứu tiếp lên trình độ tiến sĩ. Người học sau khi tốt nghiệp có thể đóng góp cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế của Việt Nam, phục vụ sự phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

4.2. Mục tiêu cụ thể

❖ *Về kiến thức*

- **PO1:** Cung cấp kiến thức chuyên sâu về pháp luật kinh tế và các lĩnh vực có liên quan, mối quan hệ giữa pháp luật kinh tế Việt Nam và pháp luật quốc tế.

- **PO2:** Phát triển năng lực phân tích pháp lý nâng cao, khả năng so sánh và giải quyết các vấn đề pháp lý phức tạp trong kinh doanh và đầu tư.

❖ *Về kỹ năng*

- **PO3:** Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học và phương pháp luận, xây dựng đề tài, giả thuyết pháp lý và áp dụng phương pháp định tính, định lượng.

- **PO4:** Trang bị kỹ năng giải quyết tranh chấp và tư vấn pháp lý, bao gồm soạn thảo hợp đồng, đánh giá rủi ro pháp lý, tham gia thương lượng, hòa giải, trọng tài và tư vấn pháp lý chuyên nghiệp.

- **PO5:** Phát triển khả năng giao tiếp và trình bày chuyên nghiệp, viết báo cáo pháp lý và luận văn theo chuẩn học thuật.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm*

- **PO6:** Hình thành năng lực tự chủ và tư duy phản biện, khả năng học tập, nghiên cứu độc lập và đề xuất giải pháp pháp lý sáng tạo.

- **PO7:** Trau dồi đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm xã hội, tôn trọng quyền lợi của khách hàng, đối tác và cộng đồng.

5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật kinh tế được thiết kế đảm bảo người học đạt tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

❖ ***Về kiến thức***

- **PLO1:** Vận dụng hệ thống lý luận cơ bản và chuyên sâu về nhà nước và pháp luật, đặc biệt là các quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh tế.

- **PLO2:** Phân tích cơ chế, nguyên tắc và phương pháp điều chỉnh pháp luật đối với

các chủ thể và quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- **PLO3:** So sánh được pháp luật kinh tế Việt Nam với pháp luật quốc tế và pháp luật của các quốc gia khác, nhận diện được xu hướng hội nhập pháp lý.

- **PLO4:** Vận dụng được cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý để phát hiện, phân tích và đề xuất hướng giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.

❖ *Về kỹ năng*

- **PLO5:** Nghiên cứu độc lập, thiết kế và triển khai các đề tài, công trình nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.

- **PLO6:** Phản biện và đề xuất giải pháp pháp lý cho các vấn đề, tranh chấp hoặc chính sách trong lĩnh vực kinh tế.

- **PLO7:** Hoàn thành bài viết, báo cáo, luận văn nghiên cứu theo chuẩn mực học thuật; có khả năng trình bày và trao đổi học thuật bằng tiếng Việt và tiếng Anh chuyên ngành luật.

- **PLO8:** Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm và sử dụng các công cụ, phương pháp nghiên cứu hiện đại trong môi trường học thuật và nghề nghiệp.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm*

- **PLO9:** Tự học để phát triển chuyên môn, nâng cao trình độ và đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.

- **PLO10:** Thể hiện tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp, trung thực khoa học và đạo đức nghiên cứu; chủ động đề xuất và tham gia hoạch định, hoàn thiện chính sách pháp luật kinh tế phục vụ cộng đồng và xã hội.

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 61 tín chỉ

TT	Định hướng nghiên cứu		
	Khối lượng kiến thức	**Tín chỉ**	**Tỷ lệ %**
1	Khối kiến chung	7	11,5
2	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	42	68,9
3	Tốt nghiệp	12	19,7
	Tổng	**61**	**100**

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Quy trình đào tạo

- Quy trình đào tạo được theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về tuyển sinh trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 1772/QĐ/ĐHTCM-SĐH ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học

Tài chính – Marketing và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 124/QĐ-ĐHTCM-ĐTSĐH ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên giảng dạy ở trình độ thạc sĩ phải tuân thủ các quy định hiện hành của Trường và pháp luật của quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan. Cơ sở đào tạo được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

7.2. Địa điểm đào tạo

- Tổ chức đào tạo tại các cơ sở chính thức của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 23/2021/BGDĐT ban hành ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

- Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện đào tạo các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

7.3. Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có): Không

7.4. Điều kiện tốt nghiệp, bằng cấp và bảng điểm

a) Điều kiện tốt nghiệp

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn tốt nghiệp đạt yêu cầu, đã hoàn tất việc nộp hồ sơ sau bảo vệ;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

b) Cấp bằng, cấp bảng điểm

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. TUYỂN SINH:

8.1. Chỉ tiêu tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Tài chính – Marketing trên cơ sở năng lực đào tạo của Trường đối với trình độ thạc sĩ ngành Luật kinh tế.

8.2. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh trình độ thạc sĩ gồm: Xét tuyển đối với trình độ đại học và văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3/6 trở lên.

- Các môn xét tuyển bao gồm hai môn cơ sở ngành phù hợp trình độ đại học, cụ thể 2 học phần:

+ Lý luận chung nhà nước và pháp luật;

+ Luật Kinh doanh.

8.3. Chuẩn đầu vào

a) Yêu cầu về văn bằng :

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành phù hợp với ngành Luật kinh tế, đồng thời được xếp loại tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (theo danh mục tạp chí khoa học được tính điểm do Hội đồng Giáo sư nhà nước công bố). Nhóm các ngành phù hợp gồm:

+ Nhóm 1: cùng tên với ngành đào tạo: Luật Kinh tế

+ Nhóm 2: các ngành thuộc lĩnh vực Pháp luật (có cùng mã số 738 theo Danh mục ngành đào tạo) do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành gồm: Luật, Luật Hiến pháp và Luật hành chính, Luật dân sự và Tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật quốc tế.

+ Nhóm 3: không thuộc nhóm 1 và nhóm 2 nhưng có liên quan trực tiếp đến nghiệp vụ chuyên môn của ứng viên, gồm các ngành Khoa học xã hội và hành vi như: Kinh doanh và quản lý, Chính trị học, Quốc tế học, Triết học, Quản lý văn hóa, Quản lý đất đai, Quản lý hành chính, Hành chính học, Quản lý xây dựng, Quản lý nhà nước, Quản lý giáo dục, Quản lý công nghiệp, Quản lý đô thị, Quản lý du lịch lữ hành, Quản lý vận tải, Quản lý tài nguyên, Quản trị - Luật, Kinh tế - Luật, Tiếng Anh pháp lý, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế quốc tế, Thương mại quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Quan hệ quốc tế, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán và các ngành còn lại trong chương trình đào tạo có một trong các học phần: Pháp luật đại cương, Luật Kinh tế, Pháp luật kinh tế, Luật kinh doanh hoặc các học phần thuộc lĩnh vực kinh tế, luật.

+ Nhóm 4 : các trường hợp đặc biệt khác.

- Có chứng chỉ bổ sung kiến thức theo quy định tại **Mục 8.5** của Chương trình đào tạo này.

b) Yêu cầu thâm niên công tác: Không

c) Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ:

Được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (tiếng Anh) đạt trình độ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

8.4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi học phần

a) Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ ngành khác. Các học phần đã học phải có trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường với số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

b) Sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing đang học chương trình đào tạo đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại của Trường với số tín chỉ không vượt quá 15 tín chỉ (các học phần có dấu (*) ở Mục 10).

c) Những học phần đã học ở chương trình đại học hoặc chương trình thạc sĩ ngành khác được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ khi đáp ứng các điều kiện sau:

+ Cùng nội dung giảng dạy; đáp ứng chuẩn đầu ra, bằng hoặc lớn hơn khối lượng học tập trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường;

+ Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;

+ Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

8.5. Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)

- Nhóm 1: Không bổ sung.
- Nhóm 2: Bổ sung 5 tín chỉ trong số các học phần sau:

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Luật đầu tư	2
2	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	3
Tổng		**5**

- Nhóm 3: Bổ sung 9 tín chỉ trong số các học phần sau:

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Lý luận chung nhà nước và pháp luật	2
2	Luật đầu tư	2
3	Luật Dân sự	2
4	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	3
Tổng		**9**

- Nhóm 4: Do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Tư vấn bổ sung kiến thức. Hội đồng Tư vấn bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng quyết định."

9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của học viên theo quy định của Trường và tuân thủ theo Chương III, Điều 7 Mục 6 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng nghiên cứu		
				Tổng số TC	Phân bố TC	
					NC	TT
1. Khối kiến chung				**7**		
1	S_LKT001	Triết học	Philosophy	4		
2	S_LKT002	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methods	3		
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				**42**	**3**	
2.1	**Kiến thức bắt buộc**			**30**	**3**	
3	S_LKT003	Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại*	Contemporary theory of state and law	3	1	
4	S_LKT004	Pháp luật về quản trị công ty hiện đại*	Modern corporate governance law	3		
5	S_LKT005	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo	Law on technology and artificial intelligence (ai)	3	1	
6	S_LKT006	Pháp luật về hợp đồng thương mại*	Law of business contracts	3		
7	S_LKT007	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao	Advanced competition and consumer protection law	3	1	
8	S_LKT008	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số	Intellectual property law in the digital economy	3		
9	S_LKT009	Pháp luật về công nghệ tài chính	Financial technology law	3	1	
10	S_LKT010	Pháp luật về thuế trong kinh doanh*	Business taxation law	3		
11	S_LKT011	Giải quyết tranh chấp thương mại *	Commercial dispute resolution	3	1	
12	S_LKT012	Nghiên cứu tình huống	Case-study	3	3	

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng nghiên cứu		
				Tổng số TC	Phân bố TC	
					NC	TT
2.2	**Kiến thức chuyên ngành tự chọn:**			**12**		
Chọn: 1 trong 2 định hướng sau (12 tín chỉ 4 học phần)						
A	*Định hướng: pháp luật kinh doanh*					
13	S_LKT013	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	Insurance law	3		
14	S_LKT014	Pháp luật về thương mại điện tử	E-Commerce law	3		
15	S_LKT015	Pháp luật về thị trường vốn	Capital market law	3		
16	S_LKT016	Luật thương mại quốc tế nâng cao	Advanced international trade law	3	1	
B	*Định hướng: pháp luật đầu tư*					
17	S_LKT017	Luật đầu tư nâng cao	Advanced investment law	3	1	
18	S_LKT018	Pháp luật về mua bán & sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu	Advanced mergers & acquisitions law	3		
19	S_LKT019	Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư	Land and investment projects law	3		
20	S_LKT020	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	Law on bidding, asset auction	3		
3. Tốt nghiệp				**12**		
21	S_LKT021	Luận văn tốt nghiệp	Master's Thesis	12	12	
	Tổng số tín chỉ khóa học			**61**		

11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VỚI CĐR CỦA CTĐT

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
I	**Kiến thức chung**										
1	Triết học	R				R					
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	R	R	M			M	M			
II.	**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**										

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
2.1	**Kiến thức bắt buộc**										
3	Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại	M	R	R					R		
4	Pháp luật về quản trị công ty hiện đại*	M	R			M				R	
5	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo	R			M		M				
6	Pháp luật hợp đồng thương mại *	M	R		M	R					R
7	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao	M	R			M		M			
8	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số				M	R	M				
9	Pháp luật về công nghệ tài chính		M	M	M			R			
10	Pháp luật về thuế trong kinh doanh*		M					R	R		
11	Giải quyết tranh chấp thương mại *		M		R	M			M		
12	Nghiên cứu tình huống				M	M			M	R	M
2.2	**Kiến thức chuyên ngành tự chọn**										
a	*Định hướng: Pháp luật kinh doanh*										
13	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm		M		M			R			
14	Pháp luật về thương mại điện tử		M		M	M		R	M		
15	Pháp luật về thị trường vốn		M		M	R		M			
16	Luật thương mại quốc tế nâng cao	M	M	R			M				
b	*Định hướng: Pháp luật đầu tư*										
17	Luật đầu tư nâng cao	M	R			M				R	
18	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu	M	R		R	M		M			R

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
19	Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư	M	R		M	M		R			
20	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản		M		M	R	R				R
III	**Tốt nghiệp**										
21	Luận văn tốt nghiệp	M	M	M	M	M	A	A	A	A	A

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.*
- *R (Reinforced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...*
- *M (Mastery) – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu.*
- *A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần phải có.*

12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

12.1. Phương pháp giảng dạy

❖ **Lý thuyết:**

Thuyết giảng: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Học viên nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt cũng như trao đổi/hỏi lại giảng viên những nội dung chưa rõ.

Thảo luận/đàm thoại: Là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, học viên nêu quan điểm cá nhân, và giải thích phân tích kỹ để thuyết phục người nghe về quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, học viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

Phương pháp dạy học theo nhóm: Đây là một trong những phương pháp dạy học tích cực được đánh giá cao hiện nay, giúp Người học nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm và khả năng giao tiếp Người học. Giảng viên sẽ giới thiệu về chủ đề, xác định nhiệm vụ chung cho các nhóm, tạo nhóm. Người học sẽ lên kế hoạch cho các công việc cần làm, đặt ra các quy tắc làm việc chung, xử lý các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả đạt được. Sau đó, các nhóm lần lượt báo cáo kết quả giảng viên sẽ đánh giá kết quả.

Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề: Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về

một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, Người học vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

Phương pháp đóng vai: Phương pháp giảng dạy mà giảng viên thiết lập và đưa ra các tình huống để Người học tham gia đóng vai các vai trò khác nhau. Mục đích chính của phương pháp này là tạo ra một không gian trải nghiệm, giúp Người học học hỏi hiệu quả hơn thông qua việc tham gia vào các tình huống thực tế hoặc giả tưởng. Qua quá trình đóng vai, Người học có cơ hội tương tác với nhau qua các vai diễn, từ đó phát triển các kỹ năng quan trọng như giao tiếp, ứng xử và làm việc nhóm. Sự đa dạng của các tình huống không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp. Yếu tố này làm người học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống.

❖ **Thực hành**

Phương pháp dạy học dự án: Phương pháp này đặt Người học vào các tình huống thực tế cụ thể và yêu cầu họ áp dụng kiến thức để giải quyết vấn đề. Điều này giúp Người học liên kết kiến thức với thực tế và làm cho quá trình học tập trở nên có ý nghĩa hơn. Trong phương pháp này, Người học phải tích hợp và áp dụng kiến thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết các thách thức trong dự án. Điều này khuyến khích Người học phát triển kỹ năng tìm sự liên kết giữa các môn học và kỹ năng kết nối kiến thức khi Người học tham gia thực tập, thực hành tại doanh nghiệp, khảo sát thực tế, thị trường để viết báo cáo dựa trên các dữ liệu Người học quan sát, thu thập được và đưa ra kết luận về vấn đề.

12.2. Phương pháp học tập của người học

❖ **Hướng dẫn tự học**

- Giảng viên hướng dẫn, cung cấp tài liệu, các nội dung yêu cầu tự học, thông báo về các tiêu chí đánh giá và yêu cầu về sản phẩm đạt được sau quá trình tự học (báo cáo, thuyết trình, câu hỏi, bài tập…)

- Giảng viên có thể chia nhóm và quy định số lượng thành viên nhóm một cách cụ thể, chỉ định hoặc yêu cầu nhóm chọn ra nhóm trưởng để chịu trách nhiệm về hoạt động nhóm và làm đầu mối thông tin cho giảng viên, kiểm soát việc tự học trong nhóm.

❖ **Tự học**

- ***Trong trường hợp tự học theo cá nhân:*** Người học làm việc theo cá nhân hoặc nhóm theo quy định của giảng viên, tự nghiên cứu bài giảng, thực hiện các yêu cầu của giảng viên về nội dung, sản phẩm cần thực hiện.

- ***Trong trường hợp tự học theo nhóm***

+ Nhóm trưởng thay mặt nhóm làm việc và chịu trách nhiệm với giảng viên về công việc của nhóm mình; có trách nhiệm phân công công việc và đánh giá hiệu quả công việc

của các thành viên trong nhóm.

+ Các nhóm có trách nhiệm nghiên cứu nội dung tự học và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên. Các sản phẩm được hoàn thiện và đánh giá theo yêu cầu được giảng viên đề ra từ trước.

12.3. Phương pháp hướng dẫn thực hành

Người học thực hành, thực tập tại doanh nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên nhận diện vấn đề pháp lý của doanh nghiệp. Trên cơ sở kiến thức đã được học, người học đánh giá các quy định của pháp luật hiện hành và thực trạng áp dụng pháp luật để đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề pháp lý trong thực tiễn cũng như hoàn thiện pháp luật.

12.4 Ma trận liên kết giữa phương pháp giảng dạy – học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy – học tập	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Thuyết giảng	X	X	X	X					X	
Thảo luận/đàm thoại	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp dạy học theo nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp học dựa trên vấn đề			X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp đóng vai			X	X			X	X	X	X
Phương pháp dạy học theo dự án			X	X	X	X	X	X	X	X

13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Phương pháp kiểm tra đánh giá và thang điểm đánh giá thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

13.1. Lý thuyết:

+ Chuyên cần: Người học phải tham dự các buổi học tại lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ Kiểm tra thường xuyên: Người học làm các bài kiểm tra cá nhân, bài tập thảo luận nhóm tại lớp.

+ Thi kết thúc học phần: Người học làm bài thi kết thúc học phần có thể là bài thi trắc nghiệm, tự luận hay tiểu luận.

13.2. Thực hành:

+ Kiểm tra: Người học làm các bài tập thực hành theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên.

+ Thi kết thúc học phần: Người học báo cáo chuyên đề, báo cáo thực hành, thực tập.

13.3 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
A. CÁC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT, THỰC HÀNH										
1. Đánh giá quá trình										
1.1 Chuyên cần								X		
1.2 Bài tập thảo luận nhóm	X	X	X	X			X	X	X	
1.3 Kiểm tra cá nhân	X	X	X	X	X		X	X		
1.4. Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2. Đánh giá cuối kỳ										
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
B. CÁC HỌC PHẦN THỰC HÀNH CHUYÊN ĐỀ VÀ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP										
Báo cáo chuyên đề nghiên cứu tình huống	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Báo cáo Luận văn tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật kinh tế được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học,

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm. Thời gian tối đa là 4 năm.

Người học được đào tạo theo hình thức tập trung áp dụng Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường.

14.1. Tổ chức đào tạo

- Trường tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đào tạo tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép người học tích lũy tín chỉ từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của người học. Một tín chỉ bằng 50 giờ bao gồm cả học lý thuyết, thực hành, thực tập và tự học.

14.2. Kế hoạch đào tạo

Năm 1: 31 tín chỉ

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Triết học	4		
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		
3	Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại*	3		
4	Pháp luật về quản trị công ty hiện đại	3		
5	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo	3		
6	Pháp luật về hợp đồng thương mại *	3		
7	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao	3		
8	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số	3		
9	Pháp luật về công nghệ tài chính	3		
10	Pháp luật về thuế trong kinh doanh*	3		

Năm 2: 30 tín chỉ

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Giải quyết tranh chấp thương mại*	3		
2	Nghiên cứu tình huống	3		
Định hướng: Pháp luật kinh doanh				
3	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	3		
4	Pháp luật về thương mại điện tử	3		
5	Pháp luật về thị trường vốn	3		
6	Luật thương mại quốc tế nâng cao	3		
Định hướng: Pháp luật đầu tư				

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
3	Luật đầu tư nâng cao	3		
4	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu	3		
5	Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư	3		
6	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	3		
	Tốt nghiệp			
7	Luận văn tốt nghiệp	12		

B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Triết học — Tín chỉ: 4

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Củng cố kiến thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý nói chung và Marketing nói riêng; giúp người học nâng cao nhận thức cơ sở triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Học viên có kỹ năng phân tích, so sánh đánh giá để thấy được sự đúng đắn, tính khoa học và cách mạng của triết học Mác -Lênin, đặc biệt là kỹ năng phân tích được sự vận dụng các học thuyết triết học, đặc biệt triết học Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Vận dụng lý luận triết học để tích cực phát hiện và đưa ra những giải pháp phát triển các lĩnh vực kinh doanh và quản lý, cụ thể lĩnh vực marketing phục vụ đường lối kinh tế của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần còn trang bị cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học, bộ phận lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin; Nắm vững những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin vừa là hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(R), PLO5(R).

2. Phương pháp nghiên cứu khoa học — Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu đào tạo học phần: Học phần trang bị cho người học nền tảng phương pháp luận nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế, bao gồm tổng quan nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng và các mô hình phân tích ứng dụng trong kinh tế, tài chính và quản trị. Học phần giúp người học hình thành năng lực xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và vận dụng công cụ phân tích để giải quyết các vấn

đề thực tiễn trong cơ quan quản lý và doanh nghiệp.

+ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức về bản chất và quy trình nghiên cứu khoa học, các bước thiết kế nghiên cứu và phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế – xã hội. Nội dung bao gồm: tổng quan tài liệu, xây dựng cơ sở lý thuyết, lựa chọn phương pháp nghiên cứu định tính/định lượng, thiết kế bộ công cụ thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu cơ bản và trình bày kết quả nghiên cứu ứng dụng. Học phần đồng thời hướng dẫn người học cách viết đề cương nghiên cứu, viết báo cáo khoa học và triển khai các nghiên cứu nhóm/cá nhân nhằm giải quyết vấn đề thực tiễn, làm nền tảng cho đề án tốt nghiệp hoặc dự án ứng dụng tại nơi làm việc.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(R), PLO2(R), PLO3 (M), PLO6 (M), PLO7 (M).

3. Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: học phần nhằm trang bị cho học viên nền tảng lý luận chuyên sâu về Nhà nước và pháp luật, giúp hiểu rõ bản chất, chức năng, thiết chế và quy luật vận động của hệ thống pháp luật trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Học viên phát triển năng lực tư duy pháp lý, khả năng phân tích các hiện tượng pháp lý phức tạp và vận dụng lý luận vào nghiên cứu và hoạch định chính sách pháp luật kinh tế.

+ Tóm tắt nội dung của học phần: nội dung học phần bao gồm các trường phái lý luận pháp lý hiện đại; mô hình Nhà nước pháp quyền; quá trình xây dựng, thực thi và hoàn thiện pháp luật; tác động của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và chuyển đổi số đến hệ thống pháp luật; và ứng dụng lý luận trong đánh giá chính sách pháp luật kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(M), PLO2(R), PLO3(R), PLO8(R).

4. Pháp luật về quản trị công ty hiện đại **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: học phần hướng đến việc giúp học viên hiểu sâu các vấn đề pháp lý phức tạp trong tổ chức, quản trị và hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là công ty đối vốn và tập đoàn kinh tế. Học viên hình thành năng lực phân tích tranh chấp doanh nghiệp, áp dụng pháp luật so sánh, và đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách quản trị doanh nghiệp.

+ Tóm tắt nội dung của học phần: học phần trình bày mô hình pháp lý của công ty; cơ cấu quản trị nâng cao; giao dịch với người có liên quan; huy động vốn và cơ cấu sở hữu; tổ chức lại doanh nghiệp; trách nhiệm của người quản lý; giải quyết tranh chấp trong doanh nghiệp; và xu hướng quốc tế về quản trị doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(M), PLO2(R), PLO5(M), PLO9(R).

5. Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: học phần nhằm cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về khung pháp lý điều chỉnh công nghệ số, dữ liệu, quyền riêng tư, quản trị trí tuệ nhân tạo và các rủi ro pháp lý trong nền kinh tế số. Học viên được trang bị năng lực đánh giá các mô hình quản trị AI, phân tích tác động pháp lý của công nghệ mới, và vận dụng vào thực tiễn xây dựng chính sách.

+ Tóm tắt nội dung học phần: nội dung học phần bao gồm pháp luật về dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân; pháp luật về nền tảng số; quản trị thuật toán và AI; trách nhiệm pháp lý trong sử dụng AI; đạo đức và tiêu chuẩn quốc tế về AI; quy định về sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm AI; và định hướng xây dựng Luật AI tại Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(R), PLO4(M), PLO6(M).

6. Pháp luật về hợp đồng thương mại * **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: học phần giúp học viên hiểu sâu cấu trúc hợp đồng thương mại phức tạp, kỹ thuật soạn thảo và đàm phán hợp đồng, rủi ro pháp lý và cách phân bổ rủi ro trong giao dịch kinh doanh. Học viên phát triển kỹ năng đánh giá hiệu lực, diễn giải hợp đồng và xử lý tranh chấp hợp đồng ở mức độ chuyên gia.

+ Tóm tắt nội dung học phần: học phần đề cập lý luận nâng cao về hợp đồng; giao kết và thực hiện hợp đồng phức tạp; vô hiệu và hủy bỏ hợp đồng; trách nhiệm bồi thường; hợp đồng quốc tế theo Công ước CISG; hợp đồng phân phối, đại lý, nhượng quyền; kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng trong môi trường số.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(M), PLO2(R), PLO4(M), PLO5(R), PLO10(R).

7. Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: học phần nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu về kiểm soát hành vi cạnh tranh không lành mạnh, kiểm soát tập trung kinh tế và quản lý thị trường trong môi trường kinh doanh phức tạp. Học viên sẽ có khả năng phân tích vụ việc cạnh tranh, đánh giá tác động thị trường, và vận dụng pháp luật cạnh tranh vào điều tra và xử lý vi phạm.

+ Tóm tắt nội dung học phần: nội dung học phần bao gồm kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; lạm dụng vị trí thống lĩnh; quản lý tập trung kinh tế; cạnh tranh trong nền kinh tế số; bảo vệ người tiêu dùng; tiêu chuẩn chứng minh và xử lý vụ việc cạnh tranh; thực hành giải quyết vụ việc cạnh tranh điển hình tại Việt Nam và quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(M), PLO2(R), PLO5(M), PLO7(M).

8. Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường số, nơi các mô hình kinh doanh mới và công nghệ số đặt ra các thách thức trong bảo hộ và thực thi quyền. Học viên được nâng cao năng lực phân tích tranh chấp sở hữu trí tuệ và áp dụng pháp luật quốc tế vào thực tiễn Việt Nam.

+ Tóm tắt nội dung học phần: bao gồm bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trong môi trường trực tuyến; bảo hộ sáng chế, nhãn hiệu và bí mật kinh doanh trong nền kinh tế số; tranh chấp IP về nội dung số; thực thi quyền sở hữu trí tuệ trên nền tảng số; pháp luật quốc tế (WIPO, TRIPS); và các vấn đề về dữ liệu, thuật toán, phần mềm.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO4(M), PLO5(R), PLO6(M).

9. Pháp luật về công nghệ tài chính **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: học phần nhằm giúp học viên nắm vững các quy định pháp lý về tổ chức, hoạt động của các tổ chức tín dụng; phân tích và quản lý rủi ro pháp lý trong các hoạt động nghiệp vụ ngân hàng và giao dịch tín dụng.

+ Tóm tắt nội dung học phần: học phần bao gồm các nội dung quy chế thành lập, tái cấu trúc và phá sản tổ chức tín dụng; phác hoạt động nghiệp vụ (huy động vốn, tín dụng, thanh toán) và các loại hình hợp đồng tín dụng; pháp luật về tài sản bảo đảm và xử lý nợ xấu; pháp luật về phòng chống rửa tiền.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO7(R).

10. Pháp luật về thuế trong kinh doanh* **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: học phần trang bị kiến thức chuyên sâu về các sắc thuế áp dụng cho doanh nghiệp, chiến lược thuế, tối ưu thuế và tuân thủ pháp luật thuế trong môi trường kinh doanh hiện đại. Học viên phát triển khả năng phân tích chính sách thuế, xử lý tranh chấp thuế và đánh giá tác động của thuế đối với hoạt động kinh doanh.

+ Tóm tắt nội dung học phần: nội dung bao gồm: pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế xuất nhập khẩu; thuế trong giao dịch quốc tế; chống chuyển giá; ưu đãi thuế; tranh chấp thuế; và cải cách chính sách thuế để hỗ trợ doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO2(M), PLO7(R), PLO8(R).

11. Giải quyết tranh chấp thương mại * **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: học phần giúp học viên nắm vững các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại phức tạp, bao gồm trọng tài thương mại, hòa giải thương mại và tố tụng tòa án ở cấp độ chuyên sâu. Học viên được rèn luyện kỹ năng phân tích hồ sơ tranh chấp, lập luận pháp lý và áp dụng pháp luật quốc tế và Việt Nam trong giải quyết tranh chấp.

+ Tóm tắt nội dung học phần: nội dung bao gồm: giải quyết tranh chấp thương mại nâng cao qua thương lượng, hòa giải và trọng tài; thủ tục trọng tài trong nước và quốc tế (ICC, SIAC, VIAC); tố tụng tòa án trong tranh chấp thương mại; thi hành phán quyết trọng tài và bản án; chứng cứ điện tử; và phân tích các vụ việc điển hình.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO2(M), PLO4(R), PLO5(M), PLO8(M).

12. Nghiên cứu tình huống: **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: mục tiêu của học phần là giúp học viên vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về luật kinh tế; sử dụng các kỹ năng và công cụ định tính và định lượng hiện đại để nghiên cứu các tình huống xảy ra trong thực tiễn dưới góc độ pháp lý trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa.

+ Tóm tắt nội dung: nghiên cứu tình huống thực tế cung cấp cho người học những kinh nghiệm thực tế trong việc xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề nhờ sự giúp đỡ của người hướng dẫn. Nội dung của tình huống xoay quanh các chủ đề sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học luật để phân tích các sự kiện pháp lý trong đời sống đầu tư - kinh doanh. Thông qua nghiên cứu tình huống, người học sẽ có cơ hội tiếp cận với các vấn đề về tổ chức và hoạt động trong và ngoài của một chủ thể kinh doanh, các tình huống về hợp đồng hoặc các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế hoặc giải quyết tranh chấp kinh doanh xảy ra trong thực tiễn, từ đó người học sẽ tự phân tích các tình huống, dự đoán kết quả và trình bày các phương pháp giải quyết; sau đó thảo luận, đánh giá để tìm ra giải pháp tối ưu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO4(M), PLO5(M), PLO8(M), PLO9(R), PLO10(M).

13. Pháp luật kinh doanh bảo hiểm **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: học phần nhằm nâng cao kỹ năng thực hành pháp lý cho học viên, bao gồm phân tích cơ sở pháp lý của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tư vấn và

soạn thảo các hợp đồng bảo hiểm, đánh giá rủi ro pháp lý liên quan.

+ Tóm tắt nội dung: học phần tập trung vào kỹ thuật phân tích các loại hợp đồng bảo hiểm (nhân thọ, phi nhân thọ); cơ chế giám sát và tuân thủ của doanh nghiệp bảo hiểm; xử lý tranh chấp trong lĩnh vực bảo hiểm..

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO2(M), PLO4(M), PLO7(R)

14. Pháp luật về thương mại điện tử **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: nắm vững khuôn khổ pháp lý điều chỉnh hoạt động thương mại trên nền tảng số, phân tích rủi ro và xây dựng chính sách tuân thủ cho các sàn giao dịch điện tử.

+ Tóm tắt nội dung: học phần bao gồm các vấn đề pháp lý của hợp đồng điện tử, chữ ký số; Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong giao dịch điện tử; Pháp luật về tên miền, quảng cáo trực tuyến và xử lý vi phạm trên môi trường mạng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO2(M), PLO4(M), PLO5(M), PLO7(R), PLO8(M).

15. Pháp luật về thị trường vốn **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: học phần nhằm giúp học viên hiểu sâu khung pháp lý điều chỉnh hoạt động thị trường chứng khoán, phát hành chứng khoán, quản trị công ty đại chúng và quản lý rủi ro thị trường vốn. Học viên có khả năng phân tích vụ việc vi phạm chứng khoán, đánh giá tác động pháp lý của giao dịch tài chính và đề xuất giải pháp hoàn thiện thị trường vốn Việt Nam.

+ **Tóm tắt nội dung học phần: n**ội dung bao gồm: pháp luật chứng khoán; phát hành và giao dịch chứng khoán; công bố thông tin; quản trị công ty đại chúng; thị trường trái phiếu doanh nghiệp; xử lý vi phạm chứng khoán; giao dịch nội gián và thao túng giá; và xu hướng pháp lý trong thị trường vốn quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO2(M), PLO4(M), PLO5(R), PLO7(M).

16. Luật thương mại quốc tế nâng cao **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: trang bị cho học viên khả năng phân tích sâu các cam kết thương mại quốc tế, đánh giá tác động của FTA/WTO, và vận dụng quy định thương mại quốc tế vào giải quyết tranh chấp hoặc tư vấn cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý.

+ Tóm tắt nội dung: học phần đi sâu vào WTO: giải pháp tranh chấp, chống bán phá

giá, chống trợ cấp, tự vệ thương mại; các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA; và thực tiễn Việt Nam trong thực thi cam kết quốc tế, phân tích các vụ việc điển hình liên quan thương mại quốc tế của Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(R), PLO6(M)

17. Luật đầu tư nâng cao **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Học phần phát triển năng lực phân tích sâu về hoạt động dầu tư trong nước và quốc tế, đánh giá chính sách ưu đãi đầu tư, thủ tục đầu tư, và các rủi ro pháp lý trong quá trình triển khai dự án.

+ Tóm tắt nội dung: học phần gồm quy định về chủ thể đầu tư, điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục dự án, ưu đãi đầu tư, giám sát đầu tư và cơ chế xử lý vi phạm; đặc biệt phân tích Luật Đầu tư 2020, 2024 và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(M), PLO2(R), PLO5(M), PLO9(R).

18. Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nhiệp chuyên sâu **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: cung cấp nền tảng pháp lý về cấu trúc và các khía cạnh pháp lý phức tạp của giao dịch mua bán và sáp nhập, hình thành mức thuần thục trong giải quyết vấn đề và xây dựng phương án giao dịch.

+ Tóm tắt nội dung: học phần gồm các nội dung sau: sác hình thức M&A; quy trình thẩm định pháp lý (Due Diligence); kỹ thuật soạn thảo các hợp đồng cốt lõi (SPA, Escrow Agreement); thủ tục pháp lý về cạnh tranh và sở hữu trí tuệ trong M&A..

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(M), PLO2(R), PLO4(R), PLO5(M), PLO7(M), PLO10(R).

19. Pháp luật đất đai và dự án đầu tư **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: giúp học viên có hiểu biết chuyên sâu về khung pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản, nhận diện rủi ro pháp lý trong dự án bất động sản và đề xuất giải pháp thực tiễn cho quản lý nhà nước và doanh nghiệp.

+ Tóm tắt nội dung: học phần bao gồm chế độ sở hữu đất đai, giao đất, cho thuê đất, đấu giá đất, chuyển nhượng dự án, pháp lý phát triển dự án bất động sản, hợp đồng bất động sản, và giải quyết tranh chấp đất đai, bất động sản; nhấn mạnh Luật Đất đai 2024 và pháp luật liên quan.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(M), PLO2(R), PLO4(M), PLO5(M), PLO7(R).

20. Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: trang bị kiến thức chuyên sâu về quy định đấu thầu, đấu giá tài sản công và tài sản tư, giúp học viên có khả năng đánh giá tính hợp pháp của quy trình, kiểm soát rủi ro và giải quyết tranh chấp phát sinh.

+ Tóm tắt nội dung: học phần gồm quy trình đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, hợp đồng đấu thầu, đấu giá tài sản, pháp lý tài sản công, các sai phạm phổ biến, và cơ chế giám sát – thanh tra. Phân tích nhiều tình huống thực tiễn trong các dự án đầu tư công và tư.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO2(M), PLO4(M), PLO5(R), PLO6(R), PLO10(R).

21. Luận văn tốt nghiệp **Tín chỉ: 12**

❖ Điều kiện tiên quyết: theo quy định về thực hiện đề án tốt nghiệp của Trường.

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu chung: Học phần Luận văn tốt nghiệp giúp người học nâng cao năng lực nghiên cứu và ứng dụng các quy định của pháp luật để phân tích các vấn đề pháp lý phát sinh từ hoạt động kinh doanh và đầu tư. Người học có năng lực về phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế từ việc thiết kế đề cương nghiên cứu, thực hiện đề cương và hoàn chỉnh thành đề tài nghiên cứu. Người học có năng lực sáng tạo, tư duy tổng hợp, phân tích và phản biện trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; có năng lực dẫn dắt người khác thực hiện nghiên cứu.

+ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Luận văn tốt nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức tốt nghiệp để người học nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển kiến thức ngành Luật kinh tế. Người học thực hiện tổng quan tài liệu liên quan chỉ ra các khoảng trống nghiên cứu. Thực hiện thiết kế đề cương nghiên cứu, thu thập đánh giá tài liệu, phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật và đề xuất các giải pháp và kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO5(M), PLO6(A), PLO7(A), PLO8(A), PLO9(A), PLO10(A)./.

HIỆU TRƯỞNG	**KT. TRƯỞNG KHOA** **PHÓ TRƯỞNG KHOA**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING	
Phạm Tiến Đạt	**Phạm Thị Hồng Nhung**

C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO

1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình Triết học (Dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn)	ĐH Quốc gia Hà Nội	Chính trị Quốc gia sự thật	2022	Triết học
2	The Concept of Law (3rd ed.).	Hart, H. L. A.	Oxford University Press.	2012	Triết học
3	Phương pháp nghiên cứu luật học	Phạm Duy Nghĩa	Công an nhân dân	2021	Phương pháp nghiên cứu khoa học
4	Lý luận về nhà nước và pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội (Nguyễn Minh Đoan)	Chính trị quốc gia Sự thật	2019	Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại
5	Luật Thương mại Việt Nam - Tập 1	Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh	Tư pháp	2022	Pháp luật về quản trị công ty hiện đại*
6	The law of artificial intelligence (2nd ed.)	Hervey, M., & Lavy, M.	Sweet & Maxwell.	2024	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo
7	Pháp luật về Hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh	Hồng Đức	2019	Pháp luật về hợp đồng thương mại *
8	Luật Dân sự Việt Nam (Tập 2)	Trường Đại học Luật Hà Nội	Tư pháp	2022	Pháp luật về hợp đồng thương mại *
9	Luật cạnh tranh	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2020	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao
10	Luật sở hữu trí tuệ	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2021	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số
11	Luật sở hữu trí tuệ	Trường Đại học Luật TPHCM	Công nhân an nhân	2025	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số
12	Luật Ngân hàng Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2021	Pháp luật về công nghệ tài

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
					chính
13	Luật thuế Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2018	Pháp luật về thuế trong kinh doanh*
14	Commercial Dispute Resolution	Mills, M	Thomson Reuters.	2018	Giải quyết tranh chấp thương mại *
15	Birds' modern insurance law (11th ed.)	Birds, J.	Sweet & Maxwell	2019	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm
16	Pháp luật Thương mại điện tử	Lê thị tuyết Hà (ĐH Mở TPHCM)	ĐH Quốc gia TPHCM	2024	Pháp luật về thương mại điện tử
17	Luật Ngân hàng Việt Nam	Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh	Chính trị quốc gia	2021	Pháp luật về thị trường vốn
18	Ngân sách nhà nước	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2018	Pháp luật về thị trường vốn
19	Luật chứng khoán	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2022	Pháp luật về thị trường vốn
20	Thanh toán quốc tế và Tài trợ Ngoại thương	Nguyễn Văn Tiến và Nguyễn Thị Hồng Hải	Thống Kê	2013	Pháp luật về thị trường vốn
21	Luật thương mại quốc tế	Nguyễn Xuân Hiệp, Nguyễn Tú	Hồng Đức	2025	Luật thương mại quốc tế nâng cao
22	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Thống kê	2006	Luật thương mại quốc tế nâng cao
23	Giáo trình Luật đầu tư	Trường Đại học Luật Hà Nội	Tư pháp	2022	Luật đầu tư nâng cao
24	Principles of International Investment Law (2nd ed.)	Dolzer, R., & Schreuer, C.	Oxford University Press.	2012	Luật đầu tư nâng cao
25	International trade and investment dispute settlement: From rise to crisis and reform.	Sacerdoti, G., & Moran, N.	Routledge.	2025	Luật đầu tư nâng cao
26	Pháp lý M&A căn bản	Trương Hữu Ngữ.	Công Thương	2023	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu
27	Luật Đất đai	Trường Đại học	Hồng Đức	2018	Pháp luật đất đai

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		Luật Tp. Hồ Chí Minh			và và dự án đầu tư
28	Pháp luật về chuyển nhượng, góp vốn các dự án bất động sản của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	Nguyễn Thị Nga	Chính trị quốc gia sự thật	2024	Pháp luật đất đai và dự án đầu tư
29	Hợp đồng và đấu thầu xây dựng	Lê Minh Thoa, Nguyễn Ngọc Sơn (đồng chủ biên), Trần Thị Hồng Phúc, Nguyễn Thị Thủy, Thái Ngọc Thắng	Xây dựng		Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản

2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình triết học: Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học	Bộ giáo dục và đào tạo	Đại học Sư phạm	2014	Triết học
2	Natural Law and Natural Rights (2nd ed.).	Finnis, J.	Oxford University Press.	2011	Triết học
3	The Authority of Law: Essays on Law and Morality (2nd ed.).	Raz, J.	Oxford University Press.	2009	Triết học
4	Phương pháp phân tích luật viết	Nguyễn Ngọc Điện	Chính trị quốc gia	2022	Phương pháp nghiên cứu khoa học
5	Kỹ năng viết cho người hành nghề luật	Trần Thị Quang Hồng	Hồng Đức	2023	Phương pháp nghiên cứu khoa học
6	Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	Vũ Trọng Lâm	Chính trị quốc gia Sự thật	2022	Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại
7	Giáo trình Pháp luật về	Trường Đại học	Hồng Đức	2023	Pháp luật về

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	chủ thể kinh doanh	Luật Tp.HCM			quảnt rị công ty hiện đại*
8	Artificial Intelligence in Legal Systems: Bridging Law and Technology through AI.	Aslani, A., Vajjhala, P., & Cela, S.	Routledge.	2023	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo
9	Generative AI in EU Law: Liability, Privacy, Intellectual Property, and Cybersecurity.	Novelli, C., Casolari, F., Hacker, P., Spedicato, G., & Floridi, L.	arXiv.	2024	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo
10	Luật Hợp đồng Việt Nam – Bản án và Bình luận bản án (Tập 1), (Tập 2)	Đỗ Văn Đại	Hồng Đức	2018	Pháp luật về hợp đồng thương mại *
11	Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng – Bản án và Bình luận án (Tập 1), (Tập 2)	Đỗ Văn Đại	Hồng Đức	2018	Pháp luật về hợp đồng thương mại *
12	Giáo trình Pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại	Trường Đại học Luật Tp.HCM	Hồng Đức	2020	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao
13	Sách tình huống Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam	Trường Đại học Luật TpHCM	Hồng Đức	2023	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số
13	Cẩm nang pháp luật ngân hàng (Nhận diện những vấn đề pháp lý)	Trương Thanh Đức	Chính trị quốc gia Sự thật	2020	Pháp luật về công nghệ tài chính
14	Hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng: lý luận và thực tiễn áp dụng	Lương Khải Ân	Chính trị quốc gia Sự thật	2023	Pháp luật về công nghệ tài chính
15	Bình luận luật các tổ chức tín dụng (Luật số 32/2024/QH15)	Nhiều tác giả	Lao Động	2024	Pháp luật về công nghệ tài chính
16	Giáo trình luật thuế Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2022	Pháp luật về thuế trong kinh doanh*
17	International Commercial Arbitration, A Comparative Introduction	Franco Ferrari, Friedrich Rosenfeld,and John Fellas	Edward Elgar	2021	Giải quyết tranh chấp thương mại *

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
18	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm Việt Nam - sách tham khảo	Bùi Thị Hằng Nga -Bạch Thị Nhã Nam (ĐH Kinh tế - Luật)	ĐH quốc gia TPHCM	2023	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm
19	Thị trường tài chính phái sinh	Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Minh Hà	Đại học Kinh tế quốc dân	2022	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm
20	Giáo trình Thương mại điện tử	Nguyễn Văn Hùng (ch.b.), Phan Quan Việt.	Tài chính	2019	Pháp luật về thương mại điện tử
21	Cẩm nang pháp luật về ngân hàng	Trương Thanh Đức	Chính trị quốc gia Sự thật	2020	Pháp luật về thị trường vốn
22	Pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty chứng khoán	Phan Phương Nam	Chính trị quốc gia Sự thật	2022	Pháp luật về thị trường vốn
23	Giáo trình Luật thương mại quốc tế	Nguyễn Xuân Hiệp, Nguyễn Tú	Hồng Đức	2025	Luật thương mại quốc tế nâng cao
24	The Law and Policy of the World Trade Organization (5th edn.)	Peter Van den Bossche and Werner Zdouc.	Cambridge University Press	2021	Luật thương mại quốc tế nâng cao
25	Giáo trình Luật Đầu tư	Nguyễn Quý Trọng	Tư pháp	2022	Luật đầu tư nâng cao
26	Policies and Laws on the Development of Science, Technology, and Innovation through Public-Private Partnerships.	Trần Điệp Thanh	Journal of Interdisciplinary Sciences and Arts.	2025	Luật đầu tư nâng cao
27	Giáo trình Luật đầu tư quốc tế (song ngữ),	Trường Đại học Luật Hà Nội	Thanh niên	2017	Luật đầu tư nâng cao
28	Giáo trình Luật Đầu tư quốc tế	Trường ĐH Luật TPHCM	Chính trị quốc gia,	2017	Luật đầu tư nâng cao
29	Dispute settlement and the reform of international investment law.	Yu, P.	Edward Elgar.	2020	Luật đầu tư nâng cao
30	Chiến lược mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (Lê Thị Minh Loan, dịch)	Sirower, M. L., & Weirens, J. M.	PACE Books.	2020	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
31	Mergers and Acquisitions: Law, Theory, and Practice (3rd ed.)	Hill, J., Quinn, R., & Solomon, S.	Wolters Kluwer	2021	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu
32	M&A căn bản – các bước quan trọng trong quá trình mua bán doanh nghiệp và đầu tư (Bản dịch).	Michael E. S. Frankel	Tri Thức	2009	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu
33	Bình luận khoa học Luật Đất đai năm 2024	Tạ Đình Tuyên và Nguyễn Văn Huy	Lao động	2024	Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư
34	Luật Đất đai năm 2024 và án lệ giải quyết vụ án, vụ việc về đất đai trong thực tiễn xét xử	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Công an nhân dân	2024	Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư
35	Bất động sản Việt Nam với người nước ngoài – Vietnam Real Estate for Foreigners.	Bình, Đ. V.	Chính trị Quốc gia Sự thật.	2024	Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư

3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT

3.1. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
1	Đào Xuân Hội	Phó giáo sư, 2025	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Luật học/Luật kinh tế	- Lý luận nhà nước và pháp luật đương đại - Luận văn tốt nghiệp
2	Phạm Thị Hồng Nhung		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Luật kinh tế	- Pháp luật về quản trị công ty hiện đại - Pháp luật về thương mại điện tử - Pháp luật về thị trường vốn - Luận văn tốt nghiệp
3	Tô Thị Đông Hà		Tiến sĩ, Việt Nam,	Luật kinh tế	- Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
			2023		- Nghiên cứu tình huống - Pháp luật về quản trị công ty hiện đại - Luận văn tốt nghiệp
4	Nguyễn Tú		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Luật học/Luật kinh tế	- Luật đầu tư nâng cao - Luật Thương mại quốc tế nâng cao - Giải quyết tranh chấp thương mại - Luận văn tốt nghiệp
5	Phạm Thị Thi		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật kinh tế	- Pháp luật về thuế trong kinh doanh - Pháp luật kinh doanh bảo hiểm - Luận văn tốt nghiệp
6	Phạm Thị Hạnh		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật Kinh tế	- Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu - Luận văn tốt nghiệp
7	Đỗ Văn Dương		Tiến sĩ	Luật học	- Pháp luiật về đấu thầu và đấu giá tài sản - Luật đầu tư nâng cao - Luận văn tốt nghiệp
8	Trương Công Am	Giáo sư, 2010	Tiến sĩ, Việt Nam, 2000	Luật học	- Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số - Lý luận nhà nước và pháp luật đương đại - Luận văn tốt nghiệp
9	Nguyễn Thị Thương Huyền		Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Luật học	- Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao - Pháp luật về thương mại điện tử - Luận văn tốt nghiệp
10	Hoàng Thị Việt Anh		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	- Phương pháp nghiên cứu khoa học - Luận văn tốt nghiệp
11	Nguyễn Phi Hùng		Tiến sĩ, Việt Nam,	Luật học	- Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
			2008		tạo - Luận văn tốt nghiệp
12	Nguyễn Quang Long		Tiến sĩ	Luật học	- Pháp luật về hợp đồng thương mại - Luận văn tốt nghiệp
13	Chu Văn Hùng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật học	- Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao - Luận văn tốt nghiệp
14	Lê Thị Hà		Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	Luật dân sự và tố tụng dân sự	- Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số - Luận văn tốt nghiệp
15	Trần Đình Nhã	Phó giáo sư, 2002	Tiến sĩ, Việt Nam, 1988	Luật học	- Pháp luật về công nghệ tài chính - Pháp luật về thị trường vốn - Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư - Luận văn tốt nghiệp
16	Nguyễn Văn Pha		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	- Giải quyết tranh chấp thương mại - Luật thương mại quốc tế nâng cao - Luận văn tốt nghiệp
17	Lê Thị Hương	Phó giáo sư, 2010	Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Luật học	- Pháp luật về thuế trong kinh doanh - Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản - Luận văn tốt nghiệp
18	Đàm Bích Hiên		Tiến sĩ, Việt Nam, 2008	Luật học	- Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm - Luận văn tốt nghiệp
19	Nguyễn Bình An		Tiến sĩ	Luật kinh tế	- Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo - Pháp luật về quản trị công ty hiện đại - Luận văn tốt nghiệp
20	Khúc Thị Trang Nhung		Tiến sĩ, Việt Nam	Luật học	- Pháp luật về hợp đồng thương mại nâng cao

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
					- Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu - Luận văn tốt nghiệp
21	Nguyễn Tấn Hưng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2009	Triết học	Triết học
22	Lại Văn Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Triết học	Triết học
23	Trần Đình Phụng		Tiến sĩ, Việt Nam 2017	Toán học	Phương pháp nghiên cứu khoa học
24	Nguyễn Tuấn Duy	Phó giáo sư, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Toán giải tích	Phương pháp nghiên cứu khoa học

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia hướng dẫn Luận văn tốt nghiệp

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Ghi chú
1	Đào Xuân Hội	Phó giáo sư, 2025	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Luật học/Luật kinh tế	
2	Phạm Thị Hồng Nhung		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Luật Kinh tế	
3	Tô Thị Đông Hà		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Luật Kinh tế	
4	Nguyễn Tú		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Luật học/Luật kinh tế	
5	Phạm Thị Thi		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật Kinh tế	
6	Phạm Thị Hạnh		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật Kinh tế	
7	Đỗ Văn Dương		Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Luật học	
8	Trương Công Am	Giáo sư, 2010	Tiến sĩ, Việt Nam,	Luật học	

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Ghi chú
			2000		
9	Nguyễn Thị Thương Huyền		Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Luật học	
10	Hoàng Thị Việt Anh		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	
11	Nguyễn Phi Hùng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2008	Luật học	
12	Nguyễn Quang Long		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật học	
13	Chu Văn Hùng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật học	
14	Lê Thị Hà		Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	Luật dân sự và tố tụng dân sự	
15	Trần Đình Nhã	Phó giáo sư, 2002	Tiến sĩ, Việt Nam, 1988	Luật học	
16	Nguyễn Văn Pha		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	
17	Lê Thị Hương	Phó giáo sư, 2010	Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Luật học	
18	Đàm Bích Hiên		Tiến sĩ, Việt Nam, 2008	Luật học	
19	Nguyễn Bình An		Tiến sĩ	Luật kinh tế	
20	Khúc Thị Trang Nhung		Tiến sĩ	Luật học	

4. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
1	Võ Hoàng Kim Uyên	Thư ký khoa	Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ	

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
3	Đỗ Minh Hương	Chuyên viên	Viện Đào tạo sau đại học	
4	Huỳnh Thị Mỹ Diệu	Chuyên viên	Viện Đào tạo sau đại học	
5	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	Chuyên viên	Viện Đào tạo sau đại học	

D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo)

E. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường

Triết lý giáo dục, Sứ mạng	PLOs					
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
Triết lý giáo dục: "Thực chất, đổi mới sáng tạo và hội nhập".	X	X	X	X	X	X
Sứ mạng của Trường: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học, công nghệ về kinh doanh, quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.	X	X	X	X	X	X

Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CĐR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường

Triết lý giáo dục, Sứ mạng	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Triết lý giáo dục: Triết lý giáo dục của Trường Đại học Tài chính – Marketing trong giai đoạn tới là: "Thực chất, đổi mới sáng tạo và hội nhập".	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Sứ mạng của Trường: Trường Đại học Tài chính - Marketing có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

Triết lý giáo dục, Sứ mạng	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
quốc tế đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học, công nghệ về kinh doanh, quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.										

Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế với chương trình đào tạo của các trường khác

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Trường ĐH Kinh tế -Luật (ĐHQG TPHCM)	
	Học phần	TC		Học phần	TC
I.	**Kiến thức chung**	**7**			
1	Triết học	4		Triết học	4
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		Phương pháp nghiên cứu khoa học	3
				Tiếng Anh	4
II.	**Kiến thức ngành và chuyên ngành**	**42**			
2.1	***Kiến thức bắt buộc***	***30***			
3	Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại*	3		Kinh tế học pháp luật (tự chọn)	2
				Pháp luật về tài sản	3
4	Pháp luật về quản trị công ty hiện đại*	3		Pháp luật về công ty (tự chọn)	3
5	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo	3		Pháp luật sở hữu trí tuệ (tự chọn)	3
6	Pháp luật về hợp đồng thương mại *	3		Pháp luật về hợp đồng	3
				Pháp luật về thương mại	3
7	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao	3		Pháp luật cạnh tranh (tự chọn)	2
8	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số	3		Pháp luật sở hữu trí tuệ	3
9	Pháp luật về công nghệ tài chính	3		Pháp luật ngân hàng (tự chọn)	2
				Pháp luật về ngoại hối và thị trường tiền tệ (tự chọn)	2
10	Pháp luật về thuế trong kinh doanh*	3		Pháp luật về thuế trong hoạt động kinh doanh (tự chọn)	3

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Trường ĐH Kinh tế -Luật (ĐHQG TPHCM)	
	Học phần	TC		Học phần	TC
11	Giải quyết tranh chấp thương mại *	3		Giải quyết tranh chấp trong thương mại (tự chọn)	2
12	Nghiên cứu tình huống	3		Thực tập	6
2.2	***Chọn 1 trong 2 định hướng sau (12 tín chỉ 4 HP)***	*12*			
2.2.1	*Định hướng pháp luật kinh doanh*	*12*			
13	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	3		Pháp luật kinh doanh bảo hiểm (tự chọn)	2
14	Pháp luật về thương mại điện tử	3		Pháp luật thương mại điện tử (tự chọn)	2
15	Pháp luật về thị trường vốn	3		Pháp luật về kinh doanh chứng khoán (tự chọn)	2
16	Luật thương mại quốc tế nâng cao	3		Pháp luật kinh doanh quốc tế (tự chọn)	3
				Pháp luật về môi trường (tự chọn)	2
				Pháp luật lao động và an sinh xã hội (tự chọn)	2
2.2.2	*Định hướng pháp luật đầu tư*	*12*			
17	Luật đầu tư nâng cao	3		Pháp luật về đầu tư (tự chọn)	2
18	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu	3		Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (tự chọn)	2
19	Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư	3		Pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản (tự chọn)	3
20	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	3		Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản (tự chọn)	3
III.	**Tốt nghiệp**	**12**			
21	Luận văn tốt nghiệp	12		Khóa luận tốt nghiệp	15
	Tổng cộng	**61**			60

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Trường ĐH Mở TPHCM	
	Học phần	TC		Học phần	TC
I.	**Kiến thức chung**	7			
1	Triết học	4		Triết học	4
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	2
II.	**Kiến thức ngành và chuyên ngành**	**45**			
2.1	***Kiến thức bắt buộc***	*30*			

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Trường ĐH Mở TPHCM	
	Học phần	**TC**		**Học phần**	**TC**
3	Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại*	3			
				Luật Thương mại quốc tế	3
4	Pháp luật về quản trị công ty hiện đại *	3		Luật công ty	3
5	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo	3			3
6	Pháp luật về hợp đồng thương mại *	3		Luật hợp đồng	3
				Luật Tài sản	3
7	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao	3		Luật cạnh tranh (là HP tự chọn)	3
8	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số	3		Luật sở hữu trí tuệ	3
9	Pháp luật về công nghệ tài chính	3		Pháp luật ngân hàng và chứng khoán (HP tự chọn)	3
				Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	3
10	Pháp luật về thuế trong kinh doanh*	3		Pháp luật về thuế quốc tế và thủ tục hải quan (HP tự chọn)	3
11	Giải quyết tranh chấp thương mại *	3		Pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự, thương mại quốc tế	3
12	Nghiên cứu tình huống	3		Chuyên đề thực tiễn	1
2.2	***Chọn 1 trong 2 định hướng sau (15 tín chỉ 5 HP)***	***15***		***Các học phần tự chọn (6 học phần), trong đó tối đa được chọn 9 tín chỉ trong CTĐT chuyên ngành Kinh tế học, Tài chính-Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, trình độ thạc sĩ***	9
2.2.1	*Định hướng pháp luật kinh doanh*	*15*			3
				Tội phạm kinh tế	
				Luật Lao động	
13	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	3			3
14	Pháp luật về thương mại điện tử	3		Pháp luật về thương mại điện tử	3
15	Pháp luật về thị trường vốn	3			3
16	Luật thương mại quốc tế nâng cao	3			3

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Trường ĐH Mở TPHCM	
	Học phần	TC		Học phần	TC
2.2.2	*Định hướng pháp luật đầu tư*	*15*			
17	Luật đầu tư nâng cao	3			3
18	Pháp luật về mua bán doanh nghiệp chuyên sâu	3			3
19	Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư	3		Pháp luật kinh doanh bất động sản (HP tự chọn)	3
				Pháp luật về đất đai và môi trường trong kinh doanh (HP tự chọn)	
20	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	3			3
				Luật phá sản	3
				Môn học tự chọn thuộc nhóm ngành kinh tế học	3
				Môn học tự chọn thuộc nhóm ngành quản trị kinh doanh	3
				Môn học tự chọn thuộc nhóm ngành tài chính ngân hàng	3
III.	**Tốt nghiệp**	**9**			
21	Luận văn tốt nghiệp	9		Luận văn tốt nghiệp	15
	Tổng cộng	**61**			**60**

Đối sánh khung chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật kinh tế với chương trình đào tạo thạc sĩ kép ngành Luật Thương mại (Dual LL.M in Commercial Law) của Trường ĐH Luật Yong Pung How (Yong Pung How Shool of Law) thuộc Đại học Quản lý Singapore (Singapore Mamangement University) và Trường ĐH Queen Mary thuộc Đại học London (University of London)

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Yong Pung How Shool of Law and Queen Mary University of London	
	Học phần	TC		Modules	Credit Units
I.	**Kiến thức chung**	7		**Common Core Courses**	3
1	Triết học	4			
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			
				Asian & Global Trends in IT Law	1
				AI, Law and Ethics	1
				Advanced Law of Obligations/ Real Estate Securitisation	1
				Mediation/Financial Regulation in Singapore, HongKong and Greater	1

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Yong Pung How Shool of Law and Queen Mary University of London	
	Học phần	**TC**		**Modules**	**Credit Units**
				China	
				Transnational Problems in Commercial Contracts	1
II.	**Kiến thức ngành và chuyên ngành**	**42**		**Track Core Modules**	**3**
2.1	***Kiến thức bắt buộc***	***30***		***Foreign business and investment law***	**3**
3	Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại*	3			
				Foreign Investment Law in Asia	1
				International Business Law: An Asian Perspective	1
				Chinese Contract and Business Law: A Comparative Perspective	1
				Corporate and financial law	**3**
4	Pháp luật về quản trị công ty hiện đại*			Compliance and Risk Management	1
				Trusts and Wealth Management in Singapore and HongKong	1
				Law of Mergers and Acquisitions	1
				Technology law and regulation	**3**
				Beyond the Law: Regulatory Mechanisms in Cross-border Issues in the Asian Context	1
					1
5	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo	3		Blockchain and Governance	1
6	Pháp luật về hợp đồng thương mại *	3			
7	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao	3			
8	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số	3		Intellectual Property Law and Policy: International and Asian Perspectives	1
9	Pháp luật về công nghệ tài chính	3			

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Yong Pung How Shool of Law and Queen Mary University of London	
	Học phần	TC		Modules	Credit Units
10	Pháp luật về thuế trong kinh doanh*	3			
11	Giải quyết tranh chấp thương mại *	3			
12	Nghiên cứu tình huống	3			
2.2	***Chọn 1 trong 2 định hướng sau (12 TC= 4 HP)***	***12***		**Electives**	2
2.2.1	*Định hướng pháp luật kinh doanh*	*12*			
				Islamic Finance and Commercial Law	1
				Banking Law	1
13	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	3		Insurance Regulation	1
14	Pháp luật về thương mại điện tử	3		E-Commerce Regulation	1
				Legal Aspects of Paperless Trade	1
15	Pháp luật về thị trường vốn	3		Information Security and the Law	1
				Compliance in Global Context	1
16	Luật thương mại quốc tế nâng cao	3			
2.2.2	*Định hướng pháp luật đầu tư*	*12*			
17	Luật đầu tư nâng cao	3			
18	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu	3			
19	Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư	3			
20	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	3			
III.	**Tốt nghiệp**	**12**			
21	Luận văn tốt nghiệp	12		Dissertation	45
	Tổng cộng	**61**			

Nguồn: https://cdn-aorpci500.actonsoftware.com/acton/cdna/44128/f-b0f0ade6-804e-4c63-a3de-9b40d65650aa/1/7

Note: CU=120-150 hours/semester (including class and self-study)

BỘ TÀI CHÍNH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH: LUẬT KINH TẾ

Định hướng ứng dụng

Thành phố Hồ Chí Minh, 2025

MỤC LỤC

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO....1
1. CĂN CỨ XÂY DỰNG....1
2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO....2
3. THÔNG TIN CHUNG....2
4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO....4
7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP....5
8. TUYỂN SINH....6
9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:....9
10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:....9
11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VỚI CĐR CỦA CTĐT....10
12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC....12
13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ....14
14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO....15
B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:....17
C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO....26
1.Giáo trình chính sử dụng giảng dạy....26
2.Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác....28
3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT....31
4. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng....36
D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo)....36
E. PHỤ LỤC....36
Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường....36
Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CĐR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường....37
Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế với chương trình đào tạo của các trường khác....37

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4339/QĐ-ĐHTCM ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình độ, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT;

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Quyết định số 124/QĐ-ĐHTCM-ĐTSĐH ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.

Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ kết quả khảo sát các bên liên quan về năng lực người học sau tốt nghiệp và nội dung chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế trình độ thạc sĩ.

2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Luật kinh tế theo hệ thống tín chỉ hiện tại được xây dựng theo hướng tiếp cận mới với mục tiêu đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan gồm người sử dụng lao động, giảng viên, cựu người học và người học cùng với sự thay đổi trong chuẩn năng lực theo quy định của Nhà nước về đào tạo thạc sĩ ngành Luật kinh tế, và phù hợp với mục tiêu chiến lược, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Chương trình được thiết kế thời gian trung bình 2 năm và 61 tín chỉ, trong đó thực hiện 9 tín chỉ đề án tốt nghiệp.

Đơn vị quản lý chương trình đào tạo tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc xây dựng chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình được thông qua.

3. THÔNG TIN CHUNG

3.1. Tên chương trình đào tạo: Luật Kinh tế

3.2. Trình độ: Thạc sĩ

3.3. Định hướng đào tạo: Ứng dụng

3.4. Văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ

3.5. Mã ngành đào tạo: 8380107

3.6. Thời gian đào tạo: 2 năm

3.7. Loại hình đào tạo: Chính quy

3.8. Số tín chỉ yêu cầu: 61

3.9. Khoa quản lý: Khoa Pháp luật và ngoại ngữ

3.10. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

3.11. Chứng nhận chất lượng:

3.12. Website:

3.13. Các chương trình tham khảo, đối sánh:

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật kinh tế, định hướng ứng dụng – Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM, Việt Nam.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật kinh tế - Trường Đại học Mở TP. HCM.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ kép ngành Luật thương mại (Dual LL.M in Commercial Law) của Trường Đại học Luật Yong Pung How (Yong Pung How Shool of Law) thuộc Đại học Quản lý Singapore (Singapore Mamangement University) và Trường ĐH Queen Mary (Queen Mary University) thuộc Đại học London (University of London).

3.14. Năm xây dựng chương trình: 2025

3.15. Vị trí việc làm

Học viên sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ có thể đảm nhận công việc và làm việc:

❖ **Nhóm lĩnh vực nghề nghiệp 1 - Hành nghề pháp lý**: Làm việc ở các vị trí như:

➢ Luật sư doanh nghiệp (Corporate Lawyer): Tư vấn về hợp đồng, đầu tư, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A), cổ phần, quản trị công ty, tuân thủ pháp luật (compliance).

➢ Luật sư nội bộ (In-house Counsel): Làm việc cho một công ty, phụ trách pháp lý nội bộ, kiểm soát rủi ro, soạn thảo và rà soát hợp đồng, quản trị cổ đông.

➢ Chuyên viên pháp chế (Legal Executive/Legal Officer): Làm việc tại bộ phận pháp chế của doanh nghiệp, tập trung vào tư vấn tuân thủ và giải quyết tranh chấp.

➢ Trọng tài viên, hòa giải viên thương mại: Giải quyết tranh chấp ngoài tòa án tại trung tâm trọng tài.

❖ **Nhóm lĩnh vực nghề nghiệp 2 - Quản lý và điều hành doanh nghiệp**: Làm việc ở các vị trí như:

➢ Chuyên gia tuân thủ pháp lý (Compliance Officer): Thiết lập, giám sát và cập nhật hệ thống tuân thủ trong doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán.

➢ Quản lý pháp lý (Legal Manager): Quản lý bộ phận pháp chế, chịu trách nhiệm tư vấn cho ban lãnh đạo về các vấn đề chiến lược pháp lý.

➢ Giám đốc pháp chế (Chief Legal Officer): Vai trò lãnh đạo cấp cao trong doanh nghiệp hoặc tập đoàn, kiểm soát rủi ro pháp lý chiến lược.

❖ **Nhóm lĩnh vực nghề nghiệp 3 - Khu vực Nhà nước:** Làm việc ở các vị trí như:

➢ Chuyên viên pháp lý tại Bộ, Sở, Ủy ban nhân dân, hoặc cơ quan thanh tra: Soạn thảo, thẩm định và kiểm tra văn bản pháp luật kinh tế, doanh nghiệp.

➢ Thẩm phán, kiểm sát viên, chuyên viên tòa án hoặc viện kiểm sát: Chuyên sâu về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại.

➢ Cán bộ nghiên cứu, giảng viên Luật Kinh tế; tham gia giảng dạy, nghiên cứu chuyên sâu về Luật Doanh nghiệp, hợp đồng, đầu tư, thương mại…

❖ **Nhóm lĩnh vực nghề nghiệp 4 - Lĩnh vực tư vấn & dịch vụ chuyên nghiệp** làm việc ở các vị trí như:

➢ Chuyên viên tư vấn đầu tư (Investment Consultant): Tư vấn cấu trúc pháp lý cho dự án đầu tư, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, hoặc thành lập công ty.

➢ Chuyên viên tư vấn tuân thủ (Regulatory Consultant): Hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ quy định về chứng khoán, tài chính, thuế, cạnh tranh.

➢ Chuyên viên phân tích rủi ro pháp lý (Legal Risk Analyst): Phân tích hợp đồng, quản lý rủi ro pháp lý, đề xuất biện pháp phòng ngừa tranh chấp.

4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

4.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật kinh tế định hướng ứng dụng của Trường Đại học Tài chính – Marketing nhằm đào tạo người học thành những chuyên gia có năng lực chuyên môn và kỹ năng thực hành chuyên sâu, đáp ứng trực tiếp nhu cầu giải quyết các vấn đề pháp lý phức tạp trong thực tiễn kinh doanh và đầu tư, hoặc đảm nhiệm các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn chính sách pháp luật trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; đồng thời có đủ năng lực học tập, nghiên cứu tiếp lên trình độ tiến sĩ. Người học sau khi tốt nghiệp có thể đóng góp cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế của Việt Nam, phục vụ sự phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

4.2. Mục tiêu cụ thể

❖ *Về kiến thức*

- **PO1**: Cung cấp hệ thống kiến thức chuyên sâu, cập nhật về pháp luật kinh tế, pháp luật kinh doanh và các lĩnh vực pháp luật liên quan, có khả năng tổng hợp và hệ thống hóa tri thức để phục vụ công tác chuyên môn.

- **PO2:** Trang bị cơ sở lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật trong môi trường kinh doanh, đặc biệt là các vấn đề pháp lý phức tạp, đa ngành và quốc tế.

❖ *Về kỹ năng*

- **PO3:** Phát triển thành thạo kỹ năng phân tích, đánh giá các tình huống pháp lý kinh tế phức tạp, và đề xuất các giải pháp pháp lý ứng dụng có tính khả thi và hiệu quả.

- **PO4:** Nâng cao kỹ năng tư vấn pháp luật, đàm phán, giải quyết tranh chấp và quản lý rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh và đầu tư.

- **PO5:** Thành thạo kỹ năng nghiên cứu độc lập và tổ chức thực hiện các dự án/đề tài nghiên cứu ứng dụng nhằm cải tiến hoặc phát triển chính sách, pháp luật kinh tế.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm*

- **PO6:** Thể hiện tinh thần chuyên nghiệp, đạo đức nghề nghiệp cao, trách nhiệm xã hội và tuân thủ pháp luật trong mọi hoạt động chuyên môn.

- **PO7:** Tự chủ trong quản lý, điều phối hoạt động chuyên môn phức tạp, và chịu trách nhiệm cá nhân, tập thể về các quyết định pháp lý đưa ra.

5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật kinh tế được thiết kế đảm bảo người học đạt tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

❖ ***Về kiến thức***

- **PLO1:** Phân tích được các nguyên tắc, quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên sâu của luật kinh tế và mối liên hệ giữa pháp luật với các lĩnh vực kinh tế, tài chính, quản trị.

- **PLO2:** Đánh giá được tính hiệu lực, tính hợp lý và sự tác động của các văn bản pháp luật hiện hành đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và nền kinh tế.

- **PLO3:** Lý giải một cách khoa học về cơ sở lý luận và thực tiễn của các vấn đề pháp lý kinh tế phức tạp, đa lĩnh vực và xuyên biên giới.

- **PLO4:** Hệ thống hóa và nắm bắt được các kiến thức, thông lệ pháp luật quốc tế liên quan đến thương mại và đầu tư để vận dụng vào bối cảnh Việt Nam.

❖ *Về kỹ năng*

- **PLO5:** Áp dụng các quy định pháp luật và kiến thức chuyên môn để giải quyết một cách hiệu quả các tình huống pháp lý, tranh chấp kinh tế cụ thể.

- **PLO6:** Soạn thảo và thẩm định được các văn bản pháp lý chuyên nghiệp (hợp đồng, điều lệ, hồ sơ pháp lý) với độ chính xác và tính pháp lý cao.

- **PLO7:** Lập luận và bảo vệ ý kiến pháp lý một cách vững chắc, sử dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và đàm phán chuyên nghiệp trong môi trường đa văn hóa.

- **PLO8:** Xác định và quản lý được các rủi ro pháp lý tiềm ẩn, đồng thời xây dựng các chiến lược tuân thủ (compliance) cho tổ chức, doanh nghiệp.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm*

- **PLO9:** Tự chủ trong việc lập kế hoạch, tổ chức và điều phối các công việc chuyên môn phức tạp, và dẫn dắt nhóm thực hiện các dự án tư vấn pháp lý.

- **PLO10:** Thể hiện sự chính trực, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong mọi hoạt động, cam kết tuân thủ các quy tắc ứng xử và bảo mật thông tin nghề nghiệp.

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 61 tín chỉ

TT	Định hướng ứng dụng		
	Khối lượng kiến thức	**Tín chỉ**	**Tỷ lệ %**
1	Khối kiến chung	7	11,5
2	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	45	73,8
3	Tốt nghiệp	9	14,8
	Tổng	**61**	**100**

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Quy trình đào tạo

- Quy trình đào tạo được theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về tuyển sinh trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 1772/QĐ/ĐHTCM-SĐH ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết

định số 124/QĐ-ĐHTCM-ĐTSĐH ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên giảng dạy ở trình độ thạc sĩ phải tuân thủ các quy định hiện hành của Trường và pháp luật của quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan. Cơ sở đào tạo được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

7.2. Địa điểm đào tạo

- Tổ chức đào tạo tại các cơ sở chính thức của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 23/2021/BGDĐT ban hành ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

- Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện đào tạo các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

7.3. Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có): Không

7.4. Điều kiện tốt nghiệp, bằng cấp và bảng điểm

a) Điều kiện tốt nghiệp

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn tốt nghiệp đạt yêu cầu, đã hoàn tất việc nộp hồ sơ sau bảo vệ;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

b) Cấp bằng, cấp bảng điểm

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. TUYỂN SINH

8.1. Chỉ tiêu tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Tài chính – Marketing trên cơ sở năng lực đào tạo của Trường đối với trình độ thạc sĩ ngành Luật kinh tế.

8.2. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh trình độ thạc sĩ gồm: Xét tuyển đối với trình độ đại học và văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3/6 trở lên.

- Các môn xét tuyển bao gồm hai môn cơ sở ngành phù hợp trình độ đại học, cụ thể 2 học phần:

+ Lý luận chung nhà nước và pháp luật;

+ Luật Kinh doanh.

8.3. Chuẩn đầu vào

a) Yêu cầu về văn bằng

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành phù hợp với ngành Luật kinh tế. Nhóm các ngành phù hợp gồm:

+ Nhóm 1: cùng tên với ngành đào tạo: Luật kinh tế

+ Nhóm 2: các ngành thuộc lĩnh vực Pháp luật (có cùng mã số 738 theo Danh mục ngành đào tạo) do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành gồm: Luật, Luật Hiến pháp và Luật hành chính, Luật dân sự và Tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật quốc tế.

+ Nhóm 3: không thuộc nhóm 1 và nhóm 2 nhưng có liên quan trực tiếp đến nghiệp vụ chuyên môn của ứng viên, gồm các ngành Khoa học xã hội và hành vi như: Kinh doanh và quản lý, Chính trị học, Quốc tế học, Triết học, Quản lý văn hóa, Quản lý đất đai, Quản lý hành chính, Hành chính học, Quản lý xây dựng, Quản lý nhà nước, Quản lý giáo dục, Quản lý công nghiệp, Quản lý đô thị, Quản lý du lịch lữ hành, Quản lý vận tải, Quản lý tài nguyên, Quản trị - Luật, Kinh tế - Luật, Tiếng Anh pháp lý, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế quốc tế, Thương mại quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Quan hệ quốc tế, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán và các ngành còn lại trong chương trình đào tạo có một trong các học phần: Pháp luật đại cương, Luật Kinh tế, Pháp luật kinh tế, Luật kinh doanh hoặc các học phần thuộc lĩnh vực kinh tế, luật.

+ Nhóm 4 : các trường hợp đặc biệt khác.

- Có chứng chỉ bổ sung kiến thức theo quy định tại **Mục 8.5.** của Chương trình đào tạo này.

b) Yêu cầu thâm niên công tác: Không

c) Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ:

Được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt trình độ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện

hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

8.4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi học phần

a) Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ ngành khác. Các học phần đã học phải có trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường với số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

b) Sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing đang học chương trình đào tạo đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại của Trường với số tín chỉ không vượt quá 15 tín chỉ (các học phần có dấu (*) ở Mục 10).

c) Những học phần đã học ở chương trình đại học hoặc chương trình thạc sĩ ngành khác được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ khi đáp ứng các điều kiện sau:

+ Cùng nội dung giảng dạy; đáp ứng chuẩn đầu ra, bằng hoặc lớn hơn khối lượng học tập trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường;

+ Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;

+ Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

8.5. Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)

- Nhóm 1: Không bổ sung.
- Nhóm 2: Bổ sung 5 tín chỉ trong số các học phần sau:

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Luật đầu tư	2
2	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dich vụ	3
Tổng		**5**

- Nhóm 3: Bổ sung 9 tín chỉ trong số các học phần sau:

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Lý luận chung nhà nước và pháp luật	2
2	Luật đầu tư	2
3	Luật Dân sự	2
4	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dich vụ	3
Tổng		**9**

- Nhóm 4: Do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Tư vấn bổ sung kiến thức. Hội đồng Tư vấn bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng quyết định.

9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của học viên theo quy định của Trường và tuân thủ theo Chương III, Điều 7 Mục 6 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng ứng dụng		
				Tổng số TC	Phân bố TC	
					NC	TT
1. Khối kiến chung				**7**		
1	A_LKT001	Triết học	Philosophy	4		
2	A_LKT002	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methods	3		
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				**45**		**6**
2.1	**Kiến thức bắt buộc**			**30**		
3	A_LKT003	Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại*	Contemporary theory of state and law	3		
4	A_LKT004	Pháp luật về quản trị công ty hiện đại*	Modern Corporate Governance Law	3		
5	A_LKT005	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo	Law on technology and artificial intelligence (AI)	3		
6	A_LKT006	Pháp luật về hợp đồng thương mại*	Law of business contracts	3		
7	A_LKT007	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao	Advanced competition and consumer protection law	3		
8	A_LKT008	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số	Intellectual property law in the digital economy	3		
9	A_LKT009	Pháp luật về công nghệ tài chính	Financial technology law	3		
10	A_LKT010	Pháp luật về thuế trong kinh doanh*	Business taxation law	3		
11	A_LKT011	Giải quyết tranh chấp thương mại*	Commercial dispute resolution	3		
12	A_LKT012	Chuyên đề thực tế 1	Practical topics 1	3		3
2.2	**Kiến thức chuyên ngành tự chọn:**			**15**		**3**
Chọn: 1 trong 2 định hướng sau (15 tín chỉ 5 học phần)						
A	*Định hướng: Pháp luật kinh doanh*					

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng ứng dụng		
				Tổng số TC	Phân bố TC	
					NC	TT
13	A_LKT013	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	Insurance Law	3		
14	A_LKT014	Pháp luật về thương mại điện tử	E-Commerce Law	3		
15	A_LKT015	Pháp luật về thị trường vốn	Capital Market Law	3		
16	A_LKT016	Luật thương mại quốc tế nâng cao	Advanced International Trade Law	3		
17	A_LKT022	Chuyên đề thực tế 2	Practical topics 2	3		3
B	*Định hướng: Pháp luật đầu tư*					
18	A_LKT017	Luật đầu tư nâng cao	Advanced Investment Law	3		
19	A_LKT018	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu	Advanced Mergers & Acquisitions Law	3		
20	A_LKT019	Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư	Land and Investment Projects Law	3		
21	A_LKT020	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	Law on Bidding, Asset Auction	3		
22	A_LKT023	Chuyên đề thực tế 2	Practical Module 2	3		3
3. Tốt nghiệp				**9**		**9**
23	A_LKT021	Đề án tốt nghiệp	Master's Project	9		9
	Tổng số tín chỉ khóa học			**61**		**15**

11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VỚI CĐR CỦA CTĐT

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
I	**Kiến thức chung**										
1	Triết học	R				R					
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	R	R	M			M	M			
II.	**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**										
2.1	**Kiến thức bắt buộc**										

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
3	Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại*	M	R	R							R
4	Pháp luật về quản trị công ty hiện đại*	M	R			M		R	R		
5	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo		R		R			M			
6	Pháp luật về hợp đồng thương mại *	M	R		M	R					
7	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao		R	R		M		M			
8	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số	R			R	M		M			
9	Pháp luật về công nghệ tài chính		M		M		R	R			
10	Pháp luật về thuế trong kinh doanh*		M		R		R	R	R		
11	Giải quyết tranh chấp thương mại *		M		R	M				R	R
12	Chuyên đề thực tế 1			R	M	M	M		M	R	M
2.2	**Kiến thức chuyên ngành tự chọn**										
a	*Định hướng: pháp luật kinh doanh*										
13	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm		M		M	R		R			
14	Pháp luật về thương mại điện tử		M		M	M		R			
15	Pháp luật về thị trường vốn		M		M	R			R		
16	Luật thương mại quốc tế nâng cao	M		R				R		R	R
17	Chuyên đề thực tế 2				M	M	R	M		M	R
b	*Định hướng: pháp luật đầu tư*										
18	Luật đầu tư nâng cao	M	R			M			R		
19	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu	M	R		R			M			
20	Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư	M	R		M			R	R		

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
21	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản		M			R	R		R		
22	Chuyên đề thực tế 2				M		R		M	A	M
III	**Tốt nghiệp**										
23	Đề án tốt nghiệp	M	M	M	M	M	A	A	A	A	A

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.*
- *R (Reinforced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...*
- *M (Mastery) – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu.*
- *A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần phải có.*

12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

12.1. Phương pháp giảng dạy

❖ **Lý thuyết**

Thuyết giảng: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Học viên nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt cũng như trao đổi/hỏi lại giảng viên những nội dung chưa rõ.

Thảo luận/đàm thoại: Là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, học viên nêu quan điểm cá nhân, và giải thích phân tích kỹ để thuyết phục người nghe về quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, học viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

Phương pháp dạy học theo nhóm: Đây là một trong những phương pháp dạy học tích cực được đánh giá cao hiện nay, giúp Người học nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm và khả năng giao tiếp Người học. Giảng viên sẽ giới thiệu về chủ đề, xác định nhiệm vụ chung cho các nhóm, tạo nhóm. Người học sẽ lên kế hoạch cho các công việc cần làm, đặt ra các quy tắc làm việc chung, xử lý các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả đạt được. Sau đó, các nhóm lần lượt báo cáo kết quả giảng viên sẽ đánh giá kết quả.

Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề: Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, Người học vừa nắm được kiến

thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

Phương pháp đóng vai: Phương pháp giảng dạy mà giảng viên thiết lập và đưa ra các tình huống để Người học tham gia đóng vai các vai trò khác nhau. Mục đích chính của phương pháp này là tạo ra một không gian trải nghiệm, giúp Người học học hỏi hiệu quả hơn thông qua việc tham gia vào các tình huống thực tế hoặc giả tưởng. Qua quá trình đóng vai, Người học có cơ hội tương tác với nhau qua các vai diễn, từ đó phát triển các kỹ năng quan trọng như giao tiếp, ứng xử và làm việc nhóm. Sự đa dạng của các tình huống không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp. Yếu tố này làm người học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống.

❖ Thực hành

Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề: Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, Người học vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

Phương pháp dạy học dự án: Phương pháp này đặt Người học vào các tình huống thực tế cụ thể và yêu cầu họ áp dụng kiến thức để giải quyết vấn đề. Điều này giúp Người học liên kết kiến thức với thực tế và làm cho quá trình học tập trở nên có ý nghĩa hơn. Trong phương pháp này, Người học phải tích hợp và áp dụng kiến thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết các thách thức trong dự án. Điều này khuyến khích Người học phát triển kỹ năng tìm sự liên kết giữa các môn học và kỹ năng kết nối kiến thức khi Người học tham gia thực tập, thực hành tại doanh nghiệp, khảo sát thực tế, thị trường để viết báo cáo dựa trên các dữ liệu Người học quan sát, thu thập được và đưa ra kết luận về vấn đề.

12.2. Phương pháp học tập của người học

❖ Hướng dẫn tự học

- Giảng viên hướng dẫn, cung cấp tài liệu, các nội dung yêu cầu tự học, thông báo về các tiêu chí đánh giá và yêu cầu về sản phẩm đạt được sau quá trình tự học (báo cáo, thuyết trình, câu hỏi, bài tập…)

- Giảng viên có thể chia nhóm và quy định số lượng thành viên nhóm một cách cụ thể, chỉ định hoặc yêu cầu nhóm chọn ra nhóm trưởng để chịu trách nhiệm về hoạt động nhóm và làm đầu mối thông tin cho giảng viên, kiểm soát việc tự học trong nhóm.

❖ Tự học

- ***Trong trường hợp tự học theo cá nhân:*** Người học làm việc theo cá nhân hoặc

nhóm theo quy định của giảng viên, tự nghiên cứu bài giảng, thực hiện các yêu cầu của giảng viên về nội dung, sản phẩm cần thực hiện.

- ***Trong trường hợp tự học theo nhóm:***

+ Nhóm trưởng thay mặt nhóm làm việc và chịu trách nhiệm với giảng viên về công việc của nhóm mình; có trách nhiệm phân công công việc và đánh giá hiệu quả công việc của các thành viên trong nhóm.

+ Các nhóm có trách nhiệm nghiên cứu nội dung tự học và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên. Các sản phẩm được hoàn thiện và đánh giá theo yêu cầu được giảng viên đề ra từ trước.

12.3. Phương pháp hướng dẫn thực hành

Người học thực hành, thực tập tại doanh nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên nhận diện vấn đề pháp lý của doanh nghiệp. Trên cơ sở kiến thức đã được học, người học đánh giá các quy định của pháp luật hiện hành và thực trạng áp dụng pháp luật để đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề pháp lý trong thực tiễn cũng như hoàn thiện pháp luật.

12.4 Ma trận liên kết giữa phương pháp giảng dạy – học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy – học tập	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Thuyết giảng	X	X	X	X					X	
Thảo luận/đàm thoại	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp dạy học theo nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp học dựa trên vấn đề			X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp đóng vai			X	X			X	X	X	X
Phương pháp dạy học theo dự án			X	X	X	X	X	X	X	X

13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Phương pháp kiểm tra đánh giá và thang điểm đánh giá thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

13.1. Lý thuyết

+ Chuyên cần: Người học phải tham dự các buổi học tại lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ Kiểm tra thường xuyên: Người học làm các bài kiểm tra cá nhân, bài tập thảo luận nhóm tại lớp.

+ Thi kết thúc học phần: Người học làm bài thi kết thúc học phần có thể là bài thi trắc nghiệm, tự luận hay tiểu luận.

13.2. Thực hành

+ Kiểm tra: Người học làm các bài tập thực hành theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên.

+ Thi kết thúc học phần: Người học báo cáo chuyên đề, báo cáo thực hành, thực tập.

13.3 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
A. CÁC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT, THỰC HÀNH										
1. Đánh giá quá trình										
1.1 Chuyên cần								X		
1.2 Bài tập thảo luận nhóm	X	X	X	X			X	X	X	
1.3 Kiểm tra cá nhân	X	X	X	X	X		X	X		
1.4. Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2. Đánh giá cuối kỳ										
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
B. CÁC HỌC PHẦN THỰC HÀNH CHUYÊN ĐỀ VÀ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP										
Báo cáo chuyên đề thực tế	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Báo cáo đề án tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật kinh tế được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học.

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm. Thời gian tối đa là 4 năm.

Người học được đào tạo theo hình thức tập trung áp dụng Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Quy định của Trường.

14.1. Tổ chức đào tạo

- Trường tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đào tạo tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép người học tích lũy tín chỉ từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của người học. Một tín chỉ bằng 50 giờ bao gồm cả học lý thuyết, thực hành, thực tập và tự học.

14.2. Kế hoạch đào tạo

Năm 1: 31 tín chỉ

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Triết học	4		
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		
3	Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại*	3		
4	Pháp luật về quản trị công ty hiện đại*	3		
5	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo	3		
6	Pháp luật về hợp đồng thương mại *	3		
7	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao	3		
8	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số	3		
9	Pháp luật về công nghệ tài chính	3		
10	Pháp luật về thuế trong kinh doanh*	3		

Năm 2: 30 tín chỉ

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Giải quyết tranh chấp thương mại*	3		
2	Chuyên đề thực tế 1	3		
Định hướng: Pháp luật kinh doanh				
3	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	3		
4	Pháp luật về thương mại điện tử	3		
5	Pháp luật về thị trường vốn	3		
6	Luật thương mại quốc tế nâng cao	3		

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
7	Chuyên đề thực tế 2	3		
Định hướng: Pháp luật đầu tư				
3	Luật đầu tư nâng cao	3		
4	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu	3		
5	Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư	3		
6	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	3		
7	Chuyên đề thực tế 2	3		
	Tốt nghiệp			
8	Đề án tốt nghiệp	9		

B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Triết học Tín chỉ: 4

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ **Mục tiêu học phần:** Củng cố kiến thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý nói chung và marketing nói riêng; giúp người học nâng cao nhận thức cơ sở triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Học viên có kỹ năng phân tích, so sánh đánh giá để thấy được sự đúng đắn, tính khoa học và cách mạng của triết học Mác -Lênin, đặc biệt là kỹ năng phân tích được sự vận dụng các học thuyết triết học, đặc biệt triết học Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Vận dụng lý luận triết học để tích cực phát hiện và đưa ra những giải pháp phát triển các lĩnh vực kinh doanh và quản lý, cụ thể lĩnh vực marketing phục vụ đường lối kinh tế của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

+ **Tóm tắt nội dung:** Học phần còn trang bị cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học, bộ phận lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin; Nắm vững những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin vừa là hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(R), PLO5(R).

2. Phương pháp nghiên cứu khoa học Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Học phần trang bị cho người học nền tảng phương pháp luận

nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế, bao gồm tổng quan nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng và các mô hình phân tích ứng dụng trong kinh tế, tài chính và quản trị. Học phần giúp người học hình thành năng lực xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và vận dụng công cụ phân tích để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong cơ quan quản lý và doanh nghiệp.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp kiến thức về bản chất và quy trình nghiên cứu khoa học, các bước thiết kế nghiên cứu và phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế – xã hội. Nội dung bao gồm: tổng quan tài liệu, xây dựng cơ sở lý thuyết, lựa chọn phương pháp nghiên cứu định tính/định lượng, thiết kế bộ công cụ thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu cơ bản và trình bày kết quả nghiên cứu ứng dụng. Học phần đồng thời hướng dẫn người học cách viết đề cương nghiên cứu, viết báo cáo khoa học và triển khai các nghiên cứu nhóm/cá nhân nhằm giải quyết vấn đề thực tiễn, làm nền tảng cho đề án tốt nghiệp hoặc dự án ứng dụng tại nơi làm việc.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(R), PLO2(R), PLO3 (M), PLO6 (M), PLO7 (M).

3. Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: Học phần nhằm trang bị cho học viên nền tảng lý luận chuyên sâu về Nhà nước và pháp luật, giúp hiểu rõ bản chất, chức năng, thiết chế và quy luật vận động của hệ thống pháp luật trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Học viên phát triển năng lực tư duy pháp lý, khả năng phân tích các hiện tượng pháp lý phức tạp và vận dụng lý luận vào nghiên cứu và hoạch định chính sách pháp luật kinh tế.

+ Tóm tắt nội dung của học phần: Nội dung học phần bao gồm các trường phái lý luận pháp lý hiện đại; mô hình Nhà nước pháp quyền; quá trình xây dựng, thực thi và hoàn thiện pháp luật; tác động của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và chuyển đổi số đến hệ thống pháp luật; và ứng dụng lý luận trong đánh giá chính sách pháp luật kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(M), PLO2(R), PLO3(R), PLO10(R).

4. Pháp luật về quản trị công ty hiện đại **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: Học phần hướng đến việc giúp học viên hiểu sâu các vấn đề pháp lý phức tạp trong tổ chức, quản trị và hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là công ty đối vốn và tập đoàn kinh tế. Học viên hình thành năng lực phân tích tranh chấp doanh nghiệp, áp dụng pháp luật so sánh, và đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách quản trị doanh nghiệp.

+ Tóm tắt nội dung của học phần: Học phần trình bày mô hình pháp lý của công ty; cơ cấu quản trị nâng cao; giao dịch với người có liên quan; huy động vốn và cơ cấu sở

hữu; tổ chức lại doanh nghiệp; trách nhiệm của người quản lý; giải quyết tranh chấp trong doanh nghiệp; và xu hướng quốc tế về quản trị doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(M), PLO2(R), PLO5(M), PLO7(R), PLO8(R).

5. Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Học phần nhằm cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về khung pháp lý điều chỉnh công nghệ số, dữ liệu, quyền riêng tư, quản trị trí tuệ nhân tạo và các rủi ro pháp lý trong nền kinh tế số. Học viên được trang bị năng lực đánh giá các mô hình quản trị AI, phân tích tác động pháp lý của công nghệ mới, và vận dụng vào thực tiễn xây dựng chính sách.

+ Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung học phần bao gồm pháp luật về dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân; pháp luật về nền tảng số; quản trị thuật toán và AI; trách nhiệm pháp lý trong sử dụng AI; đạo đức và tiêu chuẩn quốc tế về AI; quy định về sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm AI; và định hướng xây dựng Luật AI tại Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO2(R), PLO4(R), PLO7(M).

6. Pháp luật về hợp đồng thương mại **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Học phần giúp học viên hiểu sâu cấu trúc hợp đồng thương mại phức tạp, kỹ thuật soạn thảo và đàm phán hợp đồng, rủi ro pháp lý và cách phân bổ rủi ro trong giao dịch kinh doanh. Học viên phát triển kỹ năng đánh giá hiệu lực, diễn giải hợp đồng và xử lý tranh chấp hợp đồng ở mức độ chuyên gia.

+ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần đề cập lý luận nâng cao về hợp đồng; giao kết và thực hiện hợp đồng phức tạp; vô hiệu và hủy bỏ hợp đồng; trách nhiệm bồi thường; hợp đồng quốc tế theo Công ước CISG; hợp đồng phân phối, đại lý, nhượng quyền; kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng trong môi trường số.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(M), PLO2(R), PLO4(M), PLO5(A).

7. Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Học phần nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu về kiểm soát hành vi cạnh tranh không lành mạnh, kiểm soát tập trung kinh tế và quản lý thị trường trong môi trường kinh doanh phức tạp. Học viên sẽ có khả năng phân tích vụ việc cạnh tranh, đánh giá tác động thị trường, và vận dụng pháp luật cạnh tranh vào điều tra và xử lý vi phạm.

+ Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung học phần bao gồm kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; lạm dụng vị trí thống lĩnh; quản lý tập trung kinh tế; cạnh tranh trong nền kinh tế số; bảo vệ người tiêu dùng; tiêu chuẩn chứng minh và xử lý vụ việc cạnh tranh; thực hành giải quyết vụ việc cạnh tranh điển hình tại Việt Nam và quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO2(R), PLO3(R), PLO5(M), PLO7(M).

8. Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường số, nơi các mô hình kinh doanh mới và công nghệ số đặt ra các thách thức trong bảo hộ và thực thi quyền. Học viên được nâng cao năng lực phân tích tranh chấp sở hữu trí tuệ và áp dụng pháp luật quốc tế vào thực tiễn Việt Nam.

+ Tóm tắt nội dung học phần: Bao gồm bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trong môi trường trực tuyến; bảo hộ sáng chế, nhãn hiệu và bí mật kinh doanh trong nền kinh tế số; tranh chấp IP về nội dung số; thực thi quyền sở hữu trí tuệ trên nền tảng số; pháp luật quốc tế (WIPO, TRIPS); và các vấn đề về dữ liệu, thuật toán, phần mềm.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(R), PLO4(R), PLO5(M), PLO7(M).

9. Pháp luật về công nghệ tài chính **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Học phần nhằm giúp học viên nắm vững các quy định pháp lý về tổ chức, hoạt động của các tổ chức tín dụng; phân tích và quản lý rủi ro pháp lý trong các hoạt động nghiệp vụ ngân hàng và giao dịch tín dụng.

+ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần bao gồm các nội dung quy chế thành lập, tái cấu trúc và phá sản tổ chức tín dụng; phác hoạt động nghiệp vụ (huy động vốn, tín dụng, thanh toán) và các loại hình hợp đồng tín dụng; pháp luật về tài sản bảo đảm và xử lý nợ xấu; pháp luật về phòng chống rửa tiền.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO2(M), PLO4(M), PLO6(R), PLO7(R).

10. Pháp luật về thuế trong kinh doanh **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Học phần trang bị kiến thức chuyên sâu về các sắc thuế áp dụng cho doanh nghiệp, chiến lược thuế, tối ưu thuế và tuân thủ pháp luật thuế trong môi trường kinh doanh hiện đại. Học viên phát triển khả năng phân tích chính sách thuế, xử lý tranh chấp thuế và đánh giá tác động của thuế đối với hoạt động kinh doanh.

+ Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung bao gồm: pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế xuất nhập khẩu; thuế trong giao dịch quốc tế; chống chuyển giá; ưu đãi thuế; tranh chấp thuế; và cải cách chính sách thuế để hỗ trợ doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO2(M), PLO4(R), PLO6(R), PLO7(R), PLO8(R).

11. Giải quyết tranh chấp thương mại **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Học phần giúp học viên nắm vững các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại phức tạp, bao gồm trọng tài thương mại, hòa giải thương mại và tố tụng tòa án ở cấp độ chuyên sâu. Học viên được rèn luyện kỹ năng phân tích hồ sơ tranh chấp, lập luận pháp lý và áp dụng pháp luật quốc tế và Việt Nam trong giải quyết tranh chấp.

+ Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung bao gồm: giải quyết tranh chấp thương mại nâng cao qua thương lượng, hòa giải và trọng tài; thủ tục trọng tài trong nước và quốc tế (ICC, SIAC, VIAC); tố tụng tòa án trong tranh chấp thương mại; thi hành phán quyết trọng tài và bản án; chứng cứ điện tử; và phân tích các vụ việc điển hình.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO2(M), PLO3(R), PLO4(R), PLO5(M), PLO9(R), PLO10(R).

12. Chuyên đề thực tế 1 **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: Mục tiêu của học phần là giúp học viên Tích hợp kiến thức của khối bắt buộc để giải quyết các tình huống pháp lý phức tạp. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và đàm phán trong môi trường chuyên nghiệp.

+ Tóm tắt nội dung: Chuyên đề thực tế 1 cung cấp cho người học những kinh nghiệm thực tế trong việc xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề nhờ sự giúp đỡ của người hướng dẫn. Nội dung của tình huống xoay quanh các chủ đề sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học luật để phân tích các sự kiện pháp lý trong đời sống đầu tư - kinh doanh. Thông qua nghiên cứu tình huống, người học sẽ có cơ hội tiếp cận với các vấn đề về tổ chức và hoạt động trong và ngoài của một chủ thể kinh doanh, các tình huống về hợp đồng hoặc các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế hoặc giải quyết tranh chấp kinh doanh xảy ra trong thực tiễn, từ đó người học sẽ tự phân tích các tình huống, dự đoán kết quả và trình bày các phương pháp giải quyết; sau đó thảo luận, đánh giá để tìm ra giải pháp tối ưu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO4(M), PLO5(M), PLO6(M), PLO8(M), PLO9(R), PLO10(M).

13. Pháp luật kinh doanh bảo hiểm **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Học phần nhằm nâng cao kỹ năng thực hành pháp lý cho học viên, bao gồm phân tích cơ sở pháp lý của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tư vấn và soạn thảo các hợp đồng bảo hiểm, đánh giá rủi ro pháp lý liên quan.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần tập trung vào kỹ thuật phân tích các loại hợp đồng bảo hiểm (nhân thọ, phi nhân thọ); cơ chế giám sát và tuân thủ của doanh nghiệp bảo hiểm; xử lý tranh chấp trong lĩnh vực bảo hiểm..

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO2(M), PLO4(M), PLO5(R), PLO7(R).

14. Pháp luật về thương mại điện tử **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Nắm vững khuôn khổ pháp lý điều chỉnh hoạt động thương mại trên nền tảng số, phân tích rủi ro và xây dựng chính sách tuân thủ cho các sàn giao dịch điện tử.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần bao gồm các vấn đề pháp lý của hợp đồng điện tử, chữ ký số; Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong giao dịch điện tử; Pháp luật về tên miền, quảng cáo trực tuyến và xử lý vi phạm trên môi trường mạng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO2(M), PLO4(M), PLO5(M), PLO7(R).

15. Pháp luật về thị trường vốn **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Học phần nhằm giúp học viên hiểu sâu khung pháp lý điều chỉnh hoạt động thị trường chứng khoán, phát hành chứng khoán, quản trị công ty đại chúng và quản lý rủi ro thị trường vốn. Học viên có khả năng phân tích vụ việc vi phạm chứng khoán, đánh giá tác động pháp lý của giao dịch tài chính và đề xuất giải pháp hoàn thiện thị trường vốn Việt Nam.

+ Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung bao gồm: pháp luật chứng khoán; phát hành và giao dịch chứng khoán; công bố thông tin; quản trị công ty đại chúng; thị trường trái phiếu doanh nghiệp; xử lý vi phạm chứng khoán; giao dịch nội gián và thao túng giá; và xu hướng pháp lý trong thị trường vốn quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO2(M), PLO4(M), PLO5(R), PLO8(R).

16. Luật thương mại quốc tế nâng cao **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Trang bị cho học viên khả năng phân tích sâu các cam kết thương mại quốc tế, đánh giá tác động của FTA/WTO, và vận dụng quy định thương mại quốc tế vào giải quyết tranh chấp hoặc tư vấn cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần đi sâu vào WTO: giải pháp tranh chấp, chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ thương mại; các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA; và thực tiễn Việt Nam trong thực thi cam kết quốc tế, phân tích các vụ việc điển hình liên quan thương mại quốc tế của Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(M), PLO3(R), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

17. Chuyên đề thực tế 2 (định hướng pháp luật kinh doanh) **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Học phần hướng đến trang bị cho người học khả năng vận dụng tổng hợp các kiến thức chuyên sâu để thực hiện một dự án tư vấn pháp lý hoàn chỉnh, chứng minh năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý dự án.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần có nội dung chính là người học thực hiện dự án mô phỏng: thẩm định pháp lý một giao dịch, hoặc xây dựng mô hình tuân thủ cho một doanh nghiệp, thực hành báo cáo chuyên môn và bảo vệ kết quả.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO4(M), PLO5(M), PLO6(R), PLO7(M), PLO9(M), PLO10(R).

18. Luật đầu tư nâng cao **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Học phần phát triển năng lực phân tích sâu về hoạt động đầu tư trong nước và quốc tế, đánh giá chính sách ưu đãi đầu tư, thủ tục đầu tư, và các rủi ro pháp lý trong quá trình triển khai dự án.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần gồm quy định về chủ thể đầu tư, điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục dự án, ưu đãi đầu tư, giám sát đầu tư và cơ chế xử lý vi phạm; đặc biệt phân tích Luật Đầu tư 2020, 2024 và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(M), PLO2(R), PLO5(M), PLO8(R).

19. Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Cung cấp nền tảng pháp lý về cấu trúc và các khía cạnh pháp lý phức tạp của giao dịch mua bán và sáp nhập, hình thành mức thuần thục trong giải quyết

vấn đề và xây dựng phương án giao dịch.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần gồm các nội dung sau: sác hình thức M&A; quy trình thẩm định pháp lý (Due Diligence); kỹ thuật soạn thảo các hợp đồng cốt lõi (SPA, Escrow Agreement); thủ tục pháp lý về cạnh tranh và sở hữu trí tuệ trong M&A..

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(M), PLO2(R), PLO4(R), PLO7(M).

20. Pháp luật đất đai và dự án đầu tư **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Giúp học viên có hiểu biết chuyên sâu về khung pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản, nhận diện rủi ro pháp lý trong dự án bất động sản và đề xuất giải pháp thực tiễn cho quản lý nhà nước và doanh nghiệp.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần bao gồm chế độ sở hữu đất đai, giao đất, cho thuê đất, đấu giá đất, chuyển nhượng dự án, pháp lý phát triển dự án bất động sản, hợp đồng bất động sản, và giải quyết tranh chấp đất đai, bất động sản; nhấn mạnh Luật Đất đai 2024 và pháp luật liên quan.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(M), PLO2(R), PLO4(R), PLO7(R), PLO8(R).

21. Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: Trang bị kiến thức chuyên sâu về quy định đấu thầu, đấu giá tài sản công và tài sản tư, giúp học viên có khả năng đánh giá tính hợp pháp của quy trình, kiểm soát rủi ro và giải quyết tranh chấp phát sinh.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần gồm quy trình đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, hợp đồng đấu thầu, đấu giá tài sản, pháp lý tài sản công, các sai phạm phổ biến, và cơ chế giám sát – thanh tra. Phân tích nhiều tình huống thực tiễn trong các dự án đầu tư công và tư.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO2(M), PLO5(R), PLO6(R), PLO8(R).

22. Chuyên đề thực tế 2 (định hướng pháp luật đầu tư) **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: học phần giúp học viên vận dụng tổng hợp các kiến thức chuyên sâu để thực hiện một dự án tư vấn pháp lý hoàn chỉnh, chứng minh năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý dự án.

+ Tóm tắt nội dung: Nội dung chính của học phần là người học thực hiện dự án mô phỏng: tư vấn thủ tục pháp lý cho một dự án đầu tư phức hợp, hoặc xây dựng mô hình rủi

ro và chiến lược phòng ngừa cho một dự án BOT/PPP, thực hành báo cáo chuyên môn và bảo vệ kết quả.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO4(M), PLO6(R), PLO7(M), PLO9(R), PLO10(M).

23. Đề án tốt nghiệp **Tín chỉ: 9**

❖ Điều kiện tiên quyết: theo quy định về thực hiện đề án tốt nghiệp của Trường.

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu chung: Học phần Đề án tốt nghiệp giúp người học nâng cao năng lực nghiên cứu và ứng dụng các quy định của pháp luật để phân tích các vấn đề pháp lý phát sinh từ hoạt động kinh doanh và đầu tư. Người học có năng lực về phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế từ việc thiết kế đề cương nghiên cứu, thực hiện đề cương và hoàn chỉnh thành đề tài nghiên cứu. Người học có năng lực sáng tạo, tư duy tổng hợp, phân tích và phản biện trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; có năng lực dẫn dắt người khác thực hiện nghiên cứu.

+ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Đề án tốt nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức tốt nghiệp để người học nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển kiến thức ngành Luật kinh tế. Người học thực hiện tổng quan tài liệu liên quan chỉ ra các khoảng trống nghiên cứu. Thực hiện thiết kế đề cương nghiên cứu, thu thập đánh giá tài liệu, phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật và đề xuất các giải pháp và kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đạo tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(R), PLO5(M), PLO6(A), PLO7(A), PLO8(A), PLO9(A), PLO10(A)./.

HIỆU TRƯỞNG	**KT. TRƯỞNG KHOA** **PHÓ TRƯỞNG KHOA**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING	
Phạm Tiến Đạt	**Phạm Thị Hồng Nhung**

C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO

1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Triết học (Dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn)	ĐH Quốc gia Hà Nội	Chính trị Quốc gia sự thật	2022	Triết học
2	The Concept of Law (3rd ed.).	Hart, H. L. A.	Oxford University Press.	2012	Triết học
3	Phương pháp nghiên cứu luật học	Phạm Duy Nghĩa	Công an nhân dân	2021	Phương pháp nghiên cứu khoa học
4	Lý luận về nhà nước và pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội (Nguyễn Minh Đoan)	Chính trị quốc gia Sự thật	2019	Lý luận Nhà nước và pháp luật nâng cao
5	Luật Thương mại Việt Nam - Tập 1	Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh	Tư pháp	2022	Pháp luật về doanh nghiệp nâng cao*
6	The law of artificial intelligence (2nd ed.)	Hervey, M., & Lavy, M.	Sweet & Maxwell.	2024	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo
7	Pháp luật về Hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh	Hồng Đức	2019	Pháp luật về hợp đồng thương mại *
8	Luật Dân sự Việt Nam (Tập 2)	Trường Đại học Luật Hà Nội	Tư pháp	2022	Pháp luật về hợp đồng thương mại *
9	Luật cạnh tranh	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2020	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao
10	Luật sở hữu trí tuệ	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2021	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số
11	Luật sở hữu trí tuệ	Trường Đại học Luật TPHCM	Công nhân an nhân	2025	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số
12	Luật Ngân hàng Việt	Trường Đại	Công an nhân	2021	Pháp luật về

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	Nam	học Luật Hà Nội	dân		ngân hàng và tín dụng
13	Luật thuế Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2018	Pháp luật về thuế trong kinh doanh*
14	Commercial Dispute Resolution	Mills, M	Thomson Reuters.	2018	Giải quyết tranh chấp thương mại *
15	Birds' modern insurance law (11th ed.)	Birds, J.	Sweet & Maxwell	2019	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm
16	Pháp luật Thương mại điện tử	Lê thị tuyết Hà (ĐH Mở TPHCM)	ĐH Quốc gia TPHCM	2024	Pháp luật về thương mại điện tử
17	Luật Ngân hàng Việt Nam	Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh	Chính trị quốc gia	2021	Pháp luật về thị trường vốn
18	Ngân sách nhà nước	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2018	Pháp luật về thị trường vốn
19	Luật chứng khoán	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2022	Pháp luật về thị trường vốn
20	Thanh toán quốc tế và Tài trợ Ngoại thương	Nguyễn Văn Tiến và Nguyễn Thị Hồng Hải	Thống Kê	2013	Pháp luật về thị trường vốn
21	Luật thương mại quốc tế	Nguyễn Xuân Hiệp, Nguyễn Tú	Hồng Đức	2025	Luật thương mại quốc tế nâng cao
22	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Thống kê	2006	Luật thương mại quốc tế nâng cao
23	Luật đầu tư	Trường Đại học Luật Hà Nội	Tư pháp	2022	Luật đầu tư nâng cao
24	Principles of International Investment Law (2nd ed.)	Dolzer, R., & Schreuer, C.	Oxford University Press.	2012	Luật đầu tư nâng cao
25	International trade and investment dispute settlement: From rise to crisis and reform.	Sacerdoti, G., & Moran, N.	Routledge.	2025	Luật đầu tư nâng cao
26	Pháp lý M&A căn bản	Trương Hữu Ngữ.	Công Thương	2023	Pháp luật về mua bán và sáp

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
					nhập doanh nghiệp chuyên sâu
27	Luật Đất đai	Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh	Hồng Đức	2018	Pháp luật đất đai và và dự án đầu tư
28	Pháp luật về chuyển nhượng, góp vốn các dự án bất động sản của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	Nguyễn Thị Nga	Chính trị quốc gia sự thật	2024	Pháp luật đất đai và dự án đầu tư
29	Hợp đồng và đấu thầu xây dựng	Lê Minh Thoa, Nguyễn Ngọc Sơn (đồng chủ biên), Trần Thị Hồng Phúc, Nguyễn Thị Thủy, Thái Ngọc Thắng	Xây dựng		Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản

2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình triết học: Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học	Bộ giáo dục và đào tạo	Đại học Sư phạm	2014	Triết học
2	Natural Law and Natural Rights (2nd ed.).	Finnis, J.	Oxford University Press.	2011	Triết học
3	The Authority of Law: Essays on Law and Morality (2nd ed.).	Raz, J.	Oxford University Press.	2009	Triết học
4	Phương pháp phân tích luật viết	Nguyễn Ngọc Điện	Chính trị quốc gia	2022	Phương pháp nghiên cứu khoa học
5	Kỹ năng viết cho người hành nghề luật	Trần Thị Quang Hồng	Hồng Đức	2023	Phương pháp nghiên cứu khoa học
6	Giáo trình Lý luận	Vũ Trọng Lâm	Chính trị quốc	2022	Lý luận Nhà

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	chung về nhà nước và pháp luật		gia Sự thật		nước và pháp luật đương đại
7	Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh	Trường Đại học Luật Tp.HCM	Hồng Đức	2023	Pháp luật về quản trị công ty hiện đại*
8	Artificial Intelligence in Legal Systems: Bridging Law and Technology through AI.	Aslani, A., Vajjhala, P., & Cela, S.	Routledge.	2023	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo
9	Generative AI in EU Law: Liability, Privacy, Intellectual Property, and Cybersecurity.	Novelli, C., Casolari, F., Hacker, P., Spedicato, G., & Floridi, L.	arXiv.	2024	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo
10	Luật Hợp đồng Việt Nam – Bản án và Bình luận bản án (Tập 1), (Tập 2)	Đỗ Văn Đại	Hồng Đức	2018	Pháp luật về hợp đồng thương mại *
11	Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng – Bản án và Bình luận án (Tập 1), (Tập 2)	Đỗ Văn Đại	Hồng Đức	2018	Pháp luật về hợp đồng thương mại *
12	Giáo trình Pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại	Trường Đại học Luật Tp.HCM	Hồng Đức	2020	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao
13	Sách tình huống Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam	Trường Đại học Luật TpHCM	Hồng Đức	2023	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số
13	Cẩm nang pháp luật ngân hàng (Nhận diện những vấn đề pháp lý)	Trương Thanh Đức	Chính trị quốc gia Sự thật	2020	Pháp luật về công nghệ tài chính
14	Hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng: lý luận và thực tiễn áp dụng	Lương Khải Ân	Chính trị quốc gia Sự thật	2023	Pháp luật về công nghệ tài chính
15	Bình luận luật các tổ chức tín dụng (Luật số 32/2024/QH15)	Nhiều tác giả	Lao Động	2024	Pháp luật về công nghệ tài chính
16	Giáo trình luật thuế Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2022	Pháp luật về thuế trong kinh doanh*

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
17	International Commercial Arbitration, A Comparative Introduction	Franco Ferrari, Friedrich Rosenfeld,and John Fellas	Edward Elgar	2021	Giải quyết tranh chấp thương mại *
18	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm Việt Nam - sách tham khảo	Bùi Thị Hằng Nga -Bạch Thị Nhã Nam (ĐH Kinh tế - Luật)	ĐH quốc gia TPHCM	2023	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm
19	Thị trường tài chính phái sinh	Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Minh Hà	Đại học Kinh tế quốc dân	2022	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm
20	Giáo trình Thương mại điện tử	Nguyễn Văn Hùng (ch.b.), Phan Quan Việt.	Tài chính	2019	Pháp luật về thương mại điện tử
21	Cẩm nang pháp luật về ngân hàng	Trương Thanh Đức	Chính trị quốc gia Sự thật	2020	Pháp luật về thị trường vốn
22	Pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty chứng khoán	Phan Phương Nam	Chính trị quốc gia Sự thật	2022	Pháp luật về thị trường vốn
23	Giáo trình Luật thương mại quốc tế	Nguyễn Xuân Hiệp, Nguyễn Tú	Hồng Đức	2025	Luật thương mại quốc tế nâng cao
24	The Law and Policy of the World Trade Organization (5th edn.)	Peter Van den Bossche and Werner Zdouc.	Cambridge University Press	2021	Luật thương mại quốc tế nâng cao
25	Giáo trình Luật Đầu tư	Nguyễn Quý Trọng	Tư pháp	2022	Luật đầu tư nâng cao
26	Policies and Laws on the Development of Science, Technology, and Innovation through Public-Private Partnerships.	Trần Điệp Thanh	Journal of Interdisciplinary Sciences and Arts.	2025	Luật đầu tư nâng cao
27	Giáo trình Luật đầu tư quốc tế (song ngữ),	Trường Đại học Luật Hà Nội	Thanh niên	2017	Luật đầu tư nâng cao
28	Giáo trình Luật Đầu tư quốc tế	Trường ĐH Luật TPHCM	Chính trị quốc gia,	2017	Luật đầu tư nâng cao
29	Dispute settlement and the reform of international investment	Yu, P.	Edward Elgar.	2020	Luật đầu tư nâng cao

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	law.				
30	Chiến lược mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (Lê Thị Minh Loan, dịch)	Sirower, M. L., & Weirens, J. M.	PACE Books.	2020	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu
31	Mergers and Acquisitions: Law, Theory, and Practice (3rd ed.)	Hill, J., Quinn, R., & Solomon, S.	Wolters Kluwer	2021	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu
32	M&A căn bản – các bước quan trọng trong quá trình mua bán doanh nghiệp và đầu tư (Bản dịch).	Michael E. S. Frankel	Tri Thức	2009	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu
33	Bình luận khoa học Luật Đất đai năm 2024	Tạ Đình Tuyên và Nguyễn Văn Huy	Lao động	2024	Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư
34	Luật Đất đai năm 2024 và án lệ giải quyết vụ án, vụ việc về đất đai trong thực tiễn xét xử	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Công an nhân dân	2024	Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư
35	Bất động sản Việt Nam với người nước ngoài – Vietnam Real Estate for Foreigners.	Bình, Đ. V.	Chính trị Quốc gia Sự thật.	2024	Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư

3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT

3.1. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
1	Đào Xuân Hội	Phó giáo sư, 2025	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Luật học/Luật kinh tế	- Lý luận nhà nước và pháp luật đương đại - Chuyên đề thực tế 1 - Đề án tốt nghiệp

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
2	Phạm Thị Hồng Nhung		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Luật Kinh tế	- Pháp luật về công nghệ tài chính - Pháp luật về thương mại điện tử - Pháp luật về thị trường vốn - Đề án tốt nghiệp
3	Tô Thị Đông Hà		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Luật Kinh tế	- Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư - Nghiên cứu tình huống - Pháp luật về quản trị công ty hiện đại - Đề án tốt nghiệp
4	Nguyễn Tú		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Luật học/Luật kinh tế	- Luật đầu tư nâng cao - Luật Thương mại quốc tế nâng cao - Giải quyết tranh chấp thương mại - Đề án tốt nghiệp
5	Phạm Thị Thi		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật Kinh tế	- Pháp luật về thuế trong kinh doanh - Pháp luật kinh doanh bảo hiểm - Đề án tốt nghiệp
6	Phạm Thị Hạnh		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật Kinh tế	- Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu - Chuyên đề thực tế 2 - Đề án tốt nghiệp
7	Đỗ Văn Dương		Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Luật học	- Lý luận nhà nước và pháp luật đương đại - Luật đầu tư nâng cao - Đề án tốt nghiệp
8	Trương Công Am	Giáo sư, 2010	Tiến sĩ, Việt Nam, 2000	Luật học	- Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số - Lý luận nhà nước và pháp luật nâng cao - Đề án tốt nghiệp
9	Nguyễn Thị		Tiến sĩ,	Luật học	- Luật cạnh tranh và

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
	Thương Huyền		Việt Nam, 2010		bảo vệ người tiêu dùng nâng cao - Pháp luật về thương mại điện tử - Đề án tốt nghiệp
10	Hoàng Thị Việt Anh		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	- Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản - Phương pháp nghiên cứu khoa học - Đề án tốt nghiệp
11	Nguyễn Phi Hùng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2008	Luật học	- Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo - Đề án tốt nghiệp
12	Nguyễn Quang Long		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật học	- Pháp luật về hợp đồng thương mại - Đề án tốt nghiệp
13	Chu Văn Hùng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật học	- Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao - Đề án tốt nghiệp
14	Lê Thị Hà		Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	Luật dân sự và tố tụng dân sự	- Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số - Chuyên đề thực tế 2 - Đề án tốt nghiệp
15	Trần Đình Nhã	Phó giáo sư, 2002	Tiến sĩ, Việt Nam, 1988	Luật học	- Pháp luật về công nghệ tài chính - Pháp luật về thị trường vốn - Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư - Đề án tốt nghiệp
16	Nguyễn Văn Pha		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	- Giải quyết tranh chấp thương mại - Luật thương mại quốc tế nâng cao - Đề án tốt nghiệp

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
17	Lê Thị Hương	Phó giáo sư, 2010	Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Luật học	- Pháp luật về thuế trong kinh doanh - Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản - Đề án tốt nghiệp
18	Đàm Bích Hiên		Tiến sĩ, Việt Nam, 2008	Luật học	- Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm - Chuyên đề thực tế 1 - Đề án tốt nghiệp
19	Nguyễn Bình An		Tiến sĩ	Luật kinh tế	- Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo - Pháp luật về doanh nghiệp nâng cao - Đề án tốt nghiệp
20	Khúc Thị Trang Nhung		Tiến sĩ, Việt Nam	Luật học	- Pháp luật về hợp đồng thương mại nâng cao - Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu - Đề án tốt nghiệp
21	Nguyễn Tấn Hưng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2009	Triết học	Triết học
22	Lại Văn Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Triết học	Triết học
23	Trần Đình Phụng		Tiến sĩ, Việt Nam 2017	Toán học	Phương pháp nghiên cứu khoa học
24	Nguyễn Tuấn Duy	Phó giáo sư, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Toán giải tích	Phương pháp nghiên cứu khoa học

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia hướng dẫn đề án tốt nghiệp

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Ghi chú
1	Đào Xuân Hội	Phó giáo sư, 2025	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Luật học/Luật kinh tế	
2	Phạm Thị Hồng Nhung		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Luật Kinh tế	
3	Tô Thị Đông Hà		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Luật Kinh tế	
4	Nguyễn Tú		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Luật học/Luật kinh tế	
5	Phạm Thị Thi		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật Kinh tế	
6	Phạm Thị Hạnh		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật Kinh tế	
7	Đỗ Văn Dương		Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Luật học	
8	Trương Công Am	Giáo sư, 2010	Tiến sĩ, Việt Nam, 2000	Luật học	
9	Nguyễn Thị Thương Huyền		Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Luật học	
10	Hoàng Thị Việt Anh		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	
11	Nguyễn Phi Hùng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2008	Luật học	
12	Nguyễn Quang Long		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật học	
13	Chu Văn Hùng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật học	
14	Lê Thị Hà		Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	Luật dân sự và tố tụng dân sự	
15	Trần Đình Nhã	Phó giáo sư 2002	Tiến sĩ, Việt Nam, 1988	Luật học	

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Ghi chú
16	Nguyễn Văn Pha		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	
17	Lê Thị Hương	Phó giáo sư, 2010	Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Luật học	
18	Đàm Bích Hiên		Tiến sĩ, Việt Nam, 2008	Luật học	
19	Nguyễn Bình An		Tiến sĩ	Luật kinh tế	
20	Khúc Thị Trang Nhung		Tiến sĩ	Luật học	

4. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
1	Võ Hoàng Kim Uyên	Thư ký Khoa	Khoa Pháp luật và ngoại ngữ	
2	Trần Văn Tuấn	Chuyên viên	Viện Đào tạo sau đại học	
3	Đỗ Minh Hương	Chuyên viên	Viện Đào tạo sau đại học	
4	Huỳnh Thị Mỹ Diệu	Chuyên viên	Viện Đào tạo sau đại học	
5	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	Chuyên viên	Viện Đào tạo sau đại học	

D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo)

E. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường

Triết lý giáo dục, sứ mạng	PLOs					
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
Triết lý giáo dục: "Thực chất, đổi mới sáng tạo và hội nhập".	X	X	X	X	X	X
Sứ mạng của Trường: đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học, công nghệ về kinh doanh, quản lý phục vụ công tác hoạch định chính	X	X	X	X	X	X

sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.						

Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CĐR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường

Triết lý giáo dục, sứ mạng	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Triết lý giáo dục: "Thực chất, đổi mới sáng tạo và hội nhập".	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Sứ mạng của Trường: đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học, công nghệ về kinh doanh, quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế với chương trình đào tạo của các trường khác

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Trường ĐH Kinh tế -Luật (ĐHQG TPHCM)	
	Học phần	TC		Học phần	TC
I.	**Kiến thức chung**	7			
1	Triết học	4		Triết học	4
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		Phương pháp nghiên cứu khoa học	3
				Tiếng Anh	4
II.	**Kiến thức ngành và chuyên ngành**	**45**			
2.1	*Kiến thức bắt buộc*	*30*			
3	Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại*	3		Kinh tế học pháp luật (tự chọn)	2
				Pháp luật về tài sản	3
4	Pháp luật về quản trị công ty hiện đại *	3		Pháp luật về công ty (tự chọn)	3
5	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo	3		Pháp luật sở hữu trí tuệ (tự chọn)	3

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Trường ĐH Kinh tế -Luật (ĐHQG TPHCM)	
	Học phần	**TC**		**Học phần**	**TC**
6	Pháp luật về hợp đồng thương mại *	3		Pháp luật về hợp đồng	3
				Pháp luật về thương mại	3
7	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao	3		Pháp luật cạnh tranh (tự chọn)	2
8	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số	3		Pháp luật sở hữu trí tuệ	3
9	Pháp luật về công nghệ tài chính	3		Pháp luật ngân hàng (tự chọn)	2
				Pháp luật về ngoại hối và thị trường tiền tệ (tự chọn)	2
10	Pháp luật về thuế trong kinh doanh*	3		Pháp luật về thuế trong hoạt động kinh doanh (tự chọn)	3
11	Giải quyết tranh chấp thương mại *	3		Giải quyết tranh chấp trong thương mại (tự chọn)	2
12	Chuyên đề thực tế 1	3		Thực tập	6
2.2	***Chọn 1 trong 2 định hướng sau (15 tín chỉ 5 HP)***	***15***			
2.2.1	*Định hướng pháp luật kinh doanh*	*15*			
13	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	3		Pháp luật kinh doanh bảo hiểm (tự chọn)	2
14	Pháp luật về thương mại điện tử	3		Pháp luật thương mại điện tử (tự chọn)	2
15	Pháp luật về thị trường vốn	3		Pháp luật về kinh doanh chứng khoán (tự chọn)	2
16	Luật thương mại quốc tế nâng cao	3		Pháp luật kinh doanh quốc tế (tự chọn)	3
17	Chuyên đề thực tế 2	3		Pháp luật về môi trường (tự chọn)	2
				Pháp luật lao động và an sinh xã hội (tự chọn)	2
2.2.2	*Định hướng pháp luật đầu tư*	*15*			
18	Luật đầu tư nâng cao	3		Pháp luật về đầu tư (tự chọn)	2
19	Pháp luật về mua bán doanh nghiệp chuyên sâu	3		Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (tự chọn)	2
20	Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư	3		Pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản (tự chọn)	3
21	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	3		Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản (tự chọn)	3
22	Chuyên đề thực tế 2				
III.	**Tốt nghiệp**	**9**			
23	Đề án tốt nghiệp	9		Đề án tốt nghiệp	9

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Trường ĐH Kinh tế -Luật (ĐHQG TPHCM)	
	Học phần	TC		Học phần	TC
	Tổng cộng	61			60

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Trường ĐH Mở TPHCM	
	Học phần	TC		Học phần	TC
I.	**Kiến thức chung**	7			
1	Triết học	4		Triết học	4
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	2
					4
II.	**Kiến thức ngành và chuyên ngành**	**45**			
2.1	***Kiến thức bắt buộc***	***30***			
3	Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại*	3			2
				Luật Thương mại quốc tế	3
4	Pháp luật về quản trị công ty hiện đại *	3		Luật công ty	3
5	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo	3			3
6	Pháp luật về hợp đồng thương mại *	3		Luật hợp đồng	3
				Luật Tài sản	3
7	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao	3		Luật cạnh tranh (là HP tự chọn)	3
8	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số	3		Luật sở hữu trí tuệ	3
9	Pháp luật về công nghệ tài chính	3		Pháp luật ngân hàng và chứng khoán (HP tự chọn)	3
				Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	3
10	Pháp luật về thuế trong kinh doanh*	3		Pháp luật về thuế quốc tế và thủ tục hải quan (HP tự chọn)	3
11	Giải quyết tranh chấp thương mại *	3		Pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự, thương mại quốc tế	3
12	Chuyên đề thực tế 1	3		Chuyên đề thực tiễn	1
2.2	***Chọn 1 trong 2 định hướng sau (15 tín chỉ 5 HP)***	***15***		***Các học phần tự chọn (6 học phần), trong đó tối đa được chọn 9 tín chỉ trong CTĐT chuyên ngành Kinh tế học, Tài chính-Ngân***	

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Trường ĐH Mở TPHCM	
	Học phần	TC		Học phần	TC
				hàng, Quản trị kinh doanh, trình độ thạc sĩ	
2.2.1	*Định hướng pháp luật kinh doanh*	*15*			3
				Tội phạm kinh tế	
				Luật Lao động	
13	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	3			3
14	Pháp luật về thương mại điện tử	3		Pháp luật về thương mại điện tử	3
15	Pháp luật về thị trường vốn	3			3
16	Luật thương mại quốc tế nâng cao	3			3
17	Chuyên đề thực tế 2	3			3
					3
2.2.2	*Định hướng pháp luật đầu tư*	*15*			
18	Luật đầu tư nâng cao	3			3
19	Pháp luật về mua bán doanh nghiệp chuyên sâu	3			3
20	Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư	3		Pháp luật kinh doanh bất động sản (HP tự chọn)	3
				Pháp luật về đất đai và môi trường trong kinh doanh (HP tự chọn)	
21	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	3			3
				Luật phá sản	3
				Môn học tự chọn thuộc nhóm ngành kinh tế học	3
				Môn học tự chọn thuộc nhóm ngành quản trị kinh doanh	3
				Môn học tự chọn thuộc nhóm ngành tài chính ngân hàng	3
22	Chuyên đề thực tế 2			Thực tập	6
III.	**Tốt nghiệp**	**9**			
23	Đề án tốt nghiệp	9		Đề án tốt nghiệp	8
	Tổng cộng	**61**			60

Đối sánh khung chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật kinh tế với chương trình đào tạo thạc sĩ kép ngành Luật Thương mại (Dual LL.M in Commercial Law) của Trường ĐH Luật Yong Pung How (Yong Pung How Shool of Law) thuộc Đại học Quản lý Singapore (Singapore Mamangement University) và Trường ĐH Queen Mary thuộc Đại học London (University of London)

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Yong Pung How Shool of Law and Queen Mary University of London	
	Học phần	TC		Modules	Credit Units
I.	**Kiến thức chung**	7		**Common Core Courses**	3
1	Triết học	4			
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			
				Asian & Global Trends in IT Law	1
				AI, Law and Ethics	1
				Advanced Law of Obligations/ Real Estate Securitisation	1
				Mediation/Financial Regulation in Singapore, HongKong and Greater China	1
				Transnational Problems in Commercial Contracts	1
II.	**Kiến thức ngành và chuyên ngành**	**42**		**Track Core Modules**	3
2.1	***Kiến thức bắt buộc***	***30***		***Foreign business and investment law***	3
3	Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại*	3			
				Foreign Investment Law in Asia	1
				International Business Law: An Asian Perspective	1
				Chinese Contract and Business Law: A Comparative Perspective	1
				Corporate and financial law	3
4	Pháp luật về quản trị công ty hiện đại*			Compliance and Risk Management	1
				Trusts and Wealth Management in Singapore and HongKong	1
				Law of Mergers and Acquisitions	1
				Technology law and regulation	3
				Beyond the Law: Regulatory Mechanisms in Cross-border Issues in the	1

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Yong Pung How Shool of Law and Queen Mary University of London	
	Học phần	TC		Modules	Credit Units
				Asian Context	
5	Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo	3		Blockchain and Governance	1
6	Pháp luật về hợp đồng thương mại *	3			
7	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao	3			
8	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số	3		Intellectual Property Law and Policy: International and Asian Perspectives	1
9	Pháp luật về công nghệ tài chính	3			
10	Pháp luật về thuế trong kinh doanh*	3			
11	Giải quyết tranh chấp thương mại *	3			
12	Nghiên cứu tình huống	3			
2.2	***Chọn 1 trong 2 định hướng sau (12 tín chỉ 4 HP)***	***12***		**Electives**	2
2.2.1	*Định hướng pháp luật kinh doanh*	*12*			
				Islamic Finance and Commercial Law	1
				Banking Law	1
13	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	3		Insurance Regulation	1
14	Pháp luật về thương mại điện tử	3		E-Commerce Regulation	1
				Legal Aspects of Paperless Trade	1
15	Pháp luật về thị trường vốn	3		Information Security and the Law	1
				Compliance in Global Context	1
16	Luật thương mại quốc tế nâng cao	3			
2.2.2	*Định hướng pháp luật đầu tư*	*12*			
17	Luật đầu tư nâng cao	3			
18	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu	3			
19	Pháp luật về đất đai và dự án	3			

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Yong Pung How Shool of Law and Queen Mary University of London	
	Học phần	TC		Modules	Credit Units
	đầu tư				
20	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	3			
III.	**Tốt nghiệp**	**12**			
21	Luận văn tốt nghiệp	12		Dissertation	45
	Tổng cộng	**61**			

Nguồn:https://cdn-aorpci500.actonsoftware.com/acton/cdna/44128/f-b0f0ade6-804e-4c63-a3de-9b40d65650aa/1/7

Note: CU=120-150 hours/semester (including class and self-study)